



Mục lục

SỰ KIỆN

- 3 Phát biểu bế mạc Hội nghị Trung ương lần thứ 11 của Tổng Bí thư, Chủ tịch nước Nguyễn Phú Trọng
- 15 Đồng chí Trần Quốc Vượng, Ủy viên Bộ Chính trị, Thường trực Ban Bí thư làm việc với Hội đồng Lý luận Trung ương

NGHIÊN CỨU - TRAO ĐỔI

- 18 VŨ VĂN HIỀN:
Về cơ chế vận hành giữa Đảng, Nhà nước và Mặt trận trong hệ thống chính trị ở nước ta
- 26 NGÔ VĂN THẠO:
Công tác dân vận với việc xây dựng niềm tin, khát vọng phát triển của toàn dân tộc trong tình hình hiện nay

35 NGUYỄN HỒNG SƠN:

Suy nghĩ về chức năng quản lý kinh tế của Nhà nước

LÝ LUẬN - THỰC TIỄN

43 NGUYỄN MẠNH HÙNG:

Mô hình tổ chức hệ thống chính trị ở Lào và một số gợi mở đối với Việt Nam

THÔNG TIN - TƯ LIỆU

55 Hội nghị lấy ý kiến nguyên lãnh đạo Đảng, Nhà nước về các dự thảo Báo cáo trình Đại hội XIII của Đảng**57** Bí thư Trung ương Đảng Nguyễn Xuân Thắng, Chủ tịch Hội đồng Lý luận Trung ương, Giám đốc Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh làm việc với tỉnh Vĩnh Phúc**60** Một số điểm mới của đề tài "Mối quan hệ giữa tăng trưởng kinh tế và phát triển văn hóa, thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội ở Việt Nam hiện nay: Thực trạng, vấn đề và định hướng"



PHÁT BIỂU BẾ MẠC HỘI NGHỊ TRUNG ƯƠNG LẦN THỨ 11 CỦA TỔNG BÍ THƯ, CHỦ TỊCH NƯỚC NGUYỄN PHÚ TRỌNG

“Thưa các đồng chí Trung ương,

Thưa các đồng chí tham dự Hội nghị,

Sau 6 ngày làm việc khẩn trương, nghiêm túc, Hội nghị lần thứ 11 Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII đã hoàn thành toàn bộ nội dung chương trình đề ra. Các đồng chí Ủy viên Trung ương và các đồng chí tham dự Hội nghị đã nêu cao tinh thần trách nhiệm, thảo luận dân chủ, thẳng thắn, đóng góp nhiều ý kiến trí tuệ, tâm huyết vào các báo cáo và hoàn thành nhiều công việc quan trọng khác. Bộ Chính trị đã tiếp thu tối đa và giải trình những vấn đề còn có ý kiến khác nhau; Ban Chấp hành Trung ương đã nhất trí cao thông qua Nghị quyết của Hội nghị.

Để kết thúc Hội nghị, tôi xin thay mặt Bộ Chính trị phát biểu một số ý

kiến, khái quát lại những kết quả chủ yếu của Hội nghị và nhấn mạnh thêm một số vấn đề để thống nhất lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện trong thời gian tới.

1. Về các dự thảo Văn kiện trình Đại hội XIII của Đảng

Ban Chấp hành Trung ương ghi nhận, đánh giá cao và biểu dương những cố gắng, nỗ lực của các Tiểu ban đã nghiên cứu, xây dựng các dự thảo báo cáo, tờ trình một cách công phu, nghiêm túc, trách nhiệm; và thống nhất cao về những vấn đề cần tiếp tục chỉ đạo hoàn thiện các dự thảo văn kiện trình Đại hội XIII gửi đại hội đảng bộ các cấp đóng góp ý kiến.

Hội nghị cơ bản tán thành những nội dung, vấn đề được trình bày trong



Toàn cảnh Hội nghị Trung ương Đảng lần thứ 11, khóa XII _ Ảnh: TL

các dự thảo báo cáo, tờ trình, và cho rằng, các dự thảo văn kiện đã chặt lọc, phản ánh được kết quả tổng kết 10 năm thực hiện Cương lĩnh bổ sung, phát triển năm 2011 và Chiến lược phát triển kinh tế-xã hội 2011-2020; kiểm điểm, đánh giá 5 năm thực hiện Nghị quyết Đại hội XII của Đảng, sát với thực tế và có nhiều phát hiện, đề xuất mới. Đồng thời, cũng đóng góp, gợi mở, cho nhiều ý kiến quan trọng, nhất là trên những vấn đề lớn và những vấn đề còn có ý kiến khác nhau.

Trung ương yêu cầu, phải nhận thức sâu sắc hơn nữa tính chất, ý nghĩa, tầm quan trọng của Đại hội XIII của Đảng-Đại hội diễn ra vào thời điểm toàn Đảng, toàn dân và toàn quân ta thực hiện thắng lợi nhiều chủ trương, mục tiêu và nhiệm vụ được xác định trong Nghị quyết Đại hội XII của Đảng; trải qua 35 năm tiến hành công cuộc đổi mới, 10 năm thực hiện Cương lĩnh bổ sung, phát triển năm 2011 và Chiến lược phát triển kinh tế-xã hội 2011-2020.

Đất nước ta có nhiều thời cơ, thuận lợi, song cũng đứng trước không ít những khó khăn, thách thức, đòi hỏi chúng ta phải tiếp tục tăng cường hơn nữa công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng và hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh; phát huy ý chí, khát vọng, sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc, kết hợp với sức mạnh thời đại; đẩy mạnh đổi mới sáng tạo, phát triển nhanh và bền vững đất nước; bảo vệ vững chắc Tổ quốc, giữ vững môi trường hoà bình, ổn định; phấn đấu sớm đưa nước ta trở thành nước phát triển, theo định hướng xã hội chủ nghĩa. Phải chuẩn bị một cách kỹ lưỡng cả về văn kiện và nhân sự để Đại hội thành công tốt đẹp, thật sự là Đại hội đoàn kết, dân chủ, kỷ cương, sáng tạo và phát triển.

Đánh giá về kết quả 10 năm thực hiện Cương lĩnh bổ sung, phát triển năm 2011 và Chiến lược phát triển kinh tế-xã hội 2011-2020 cũng như 5 năm thực hiện Nghị quyết Đại hội XII của Đảng (2016-2020), nhìn lại 30 năm thực hiện Cương lĩnh 1991 và 35 năm tiến hành công cuộc đổi mới, Trung ương yêu cầu phải với

tinh thần thực sự khách quan, cầu thị, nhìn thẳng vào sự thật, không phiến diện, cực đoan.

Thấy rõ, 35 năm đổi mới là một giai đoạn lịch sử quan trọng trong tiến trình phát triển của đất nước, đánh dấu sự trưởng thành về mọi mặt của Đảng, Nhà nước và nhân dân ta. Đổi mới mang tầm vóc lịch sử và ý nghĩa cách mạng to lớn, là một quá trình cải biến sâu sắc, toàn diện, triệt để, là sự nghiệp cách mạng của toàn Đảng, toàn dân ta.

Cương lĩnh 1991, bổ sung, phát triển năm 2011 tiếp tục là ngọn cờ tư tưởng, ngọn cờ chiến đấu, ngọn cờ quy tụ, tập hợp, cổ vũ toàn Đảng, toàn dân ta; là nền tảng để Đảng ta tiếp tục phát triển hệ thống lý luận về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội, hoàn thiện đường lối xây dựng, phát triển đất nước trong thời kỳ mới.

Nhìn tổng thể, sau 35 năm đổi mới, 30 năm thực hiện Cương lĩnh, nhất là 10 năm gần đây, đất nước ta đã đạt được những thành tựu to lớn, có ý nghĩa lịch sử, tạo tiền đề quan trọng để nước ta tiếp tục đổi mới và phát triển mạnh mẽ trong thời gian tới.

Đồng thời, cũng phải thấy còn nhiều vấn đề lớn, phức tạp, nhiều hạn chế, bất cập cần tiếp tục nghiên cứu, tập trung giải quyết để đưa đất nước phát triển nhanh và bền vững hơn.

Trong nhiệm kỳ khóa XII, mặc dù phải đối phó với nhiều khó khăn, thách thức, toàn Đảng, toàn dân, toàn quân ta đã nỗ lực phấn đấu, thực hiện thắng lợi các mục tiêu, nhiệm vụ trọng tâm, đạt được nhiều thành tựu rất quan trọng. Đất nước tiếp tục phát triển nhanh và khá toàn diện trên hầu hết các lĩnh vực, tạo nhiều dấu ấn nổi bật: Kinh tế tăng trưởng liên tục và cao hơn nhiệm kỳ trước, trở thành một trong những nền kinh tế tăng trưởng nhanh; kinh tế vĩ mô ổn định và từng bước được tăng cường; sức cạnh tranh, tiềm lực và quy mô của nền kinh tế được nâng cao.

Công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng, xây dựng hệ thống chính trị, đặc biệt là công tác đấu tranh phòng, chống tham nhũng, tiêu cực chuyển biến mạnh mẽ, quyết liệt, có bước đột phá và đạt nhiều kết quả rõ rệt, được nhân dân hoan nghênh, đồng tình, tin tưởng và ủng hộ. Sự đoàn kết, thống nhất, phối hợp đồng bộ, nhịp

nhàng giữa Đảng, Nhà nước, Mặt trận và các tổ chức chính trị-xã hội được tăng cường.

Chính trị, xã hội ổn định; quốc phòng, an ninh không ngừng được củng cố, kiên quyết, kiên trì giữ vững độc lập, chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc; quan hệ đối ngoại và hội nhập quốc tế ngày càng sâu rộng và hiệu quả, góp phần nâng cao uy tín và vị thế của Việt Nam trên trường quốc tế.

Những thành tựu đạt được 5 năm qua có cả nguyên nhân khách quan và chủ quan. Đó là kết quả của cả một quá trình phấn đấu bền bỉ, liên tục qua nhiều nhiệm kỳ của toàn Đảng, toàn dân, toàn quân ta.

Nguyên nhân quan trọng nhất là sự đoàn kết thống nhất, sự lãnh đạo, chỉ đạo đúng đắn của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư và các cấp Ủy đảng trong việc triển khai thực hiện Nghị quyết Đại hội XII, giải quyết kịp thời, có hiệu quả nhiều vấn đề mới nảy sinh trong thực tiễn; sự quản lý, điều hành nhạy bén, quyết liệt của Chính phủ và chính quyền các cấp; sự nỗ lực đổi mới nội dung và phương thức hoạt

động của Quốc hội; sự phối hợp đồng bộ của cả hệ thống chính trị; phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc; sự nỗ lực của đội ngũ cán bộ, đảng viên; tinh thần lao động tích cực, sáng tạo, trách nhiệm của nhân dân; sự đồng tình, ủng hộ của cộng đồng quốc tế.

Trên cơ sở đánh giá khách quan tình hình và nguyên nhân của những kết quả, thành tích đã đạt được, hạn chế, yếu kém còn tồn tại trong thời gian qua, dự báo đúng tình hình đất nước và xu thế phát triển của thế giới trong thời gian tới, chúng ta sẽ có điều kiện để xác định đúng đắn phương hướng, mục tiêu, nhiệm vụ phát triển đất nước trong nhiệm kỳ 2021-2026, cả mục tiêu tổng quát và các mục tiêu, nhiệm vụ cụ thể, bao gồm các nhiệm vụ trọng tâm và các khâu đột phá chiến lược cần phải tập trung ưu tiên triển khai thực hiện.

Tiếp tục có những chủ trương, giải pháp phù hợp, có tính khả thi cao nhằm đẩy mạnh hơn nữa công nghiệp hóa, hiện đại hóa, đổi mới mô hình tăng trưởng, cơ cấu lại nền kinh tế; hoàn thiện toàn diện, đồng bộ thể chế phát triển nền kinh tế thị

trường định hướng xã hội chủ nghĩa; đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, phát triển khoa học và công nghệ, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực; xây dựng và phát huy giá trị, sức mạnh văn hóa, con người Việt Nam; quản lý phát triển xã hội bền vững, bảo đảm tiến bộ, công bằng xã hội; quản lý và sử dụng có hiệu quả đất đai, tài nguyên, bảo vệ môi trường, chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu; tăng cường quốc phòng, an ninh, bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa; triển khai đồng bộ, hiệu quả, sáng tạo hoạt động đối ngoại, chủ động và tích cực hội nhập quốc tế; phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc, dân chủ xã hội chủ nghĩa, bảo đảm quyền làm chủ của nhân dân; xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của nhân dân, do nhân dân và vì nhân dân; xây dựng, chỉnh đốn Đảng trong sạch, vững mạnh, nâng cao năng lực lãnh đạo, cầm quyền và sức chiến đấu của Đảng...

Đồng thời, cần tiếp tục bám sát thực tiễn, đi sâu nghiên cứu, tổng kết, thảo luận, tạo sự thống nhất cao

hơn về mục tiêu, quan điểm, các khâu đột phá và một số vấn đề mới, vấn đề khó, nhất là những vấn đề liên quan đến việc nâng cao nhận thức, nắm vững và giải quyết tốt các mối quan hệ lớn như: Quan hệ giữa đổi mới, ổn định và phát triển; giữa đổi mới kinh tế và đổi mới chính trị; giữa tuân theo quy luật thị trường và bảo đảm định hướng xã hội chủ nghĩa; giữa phát triển lực lượng sản xuất và xây dựng, hoàn thiện từng bước quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa; giữa nhà nước, thị trường và xã hội; giữa tăng trưởng kinh tế và phát triển văn hóa, thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội, bảo vệ môi trường; giữa xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa; giữa độc lập, tự chủ và hội nhập quốc tế; giữa Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý, nhân dân làm chủ; giữa thực hành dân chủ và tăng cường pháp chế, bảo đảm kỷ cương xã hội.

Đặc biệt quan tâm những vấn đề thực tiễn đang đặt ra, rất thiết thực và cụ thể như: Đổi mới, hoàn thiện thể chế, huy động, quản lý, sử dụng có hiệu quả các nguồn lực cho phát triển; phát triển đồng bộ và tạo ra sự

liên kết giữa các thành phần kinh tế và các loại hình tổ chức sản xuất kinh doanh; đổi mới, nâng cao hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp nhà nước, phát triển kinh tế tập thể; khuyến khích, tạo thuận lợi cho kinh tế tư nhân phát triển trở thành một động lực quan trọng của nền kinh tế; đẩy nhanh tiến độ giải ngân vốn đầu tư công, nhất là vốn để triển khai xây dựng các dự án, công trình trọng điểm quốc gia; khắc phục tình trạng tham nhũng, lãng phí, tiêu cực trong việc quản lý, sử dụng đất đai, tài nguyên, tài sản công; tích tụ, tập trung đất đai cho phát triển nông nghiệp công nghệ cao; tranh thủ thành tựu của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư, đẩy mạnh đổi mới sáng tạo; khắc phục những hạn chế, khuyết điểm trong quản lý phát triển văn hóa, xã hội, xây dựng con người, nhất là trong lĩnh vực y tế, giáo dục và đào tạo...

Trung ương đặc biệt nhấn mạnh, phải phát huy những thành quả và bài học kinh nghiệm đã có được trong nhiệm kỳ khóa XII, đẩy mạnh hơn nữa công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng, đấu tranh phòng, chống

quan liêu, tham nhũng, lãng phí, tiêu cực gắn với xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa và hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh về mọi mặt; nâng cao năng lực lãnh đạo, cầm quyền của Đảng, hiệu lực, hiệu quả quản lý của Nhà nước.

Tiếp tục kiên trì, quyết liệt thực hiện Nghị quyết Trung ương 4 khóa XII về xây dựng Đảng, ngăn chặn và đẩy lùi tình trạng suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống trong Đảng và trong xã hội; giữ vững, kiên định bản chất cách mạng và vai trò tiên phong, gương mẫu của Đảng, của đội ngũ cán bộ, đảng viên; thực hiện nghiêm các nguyên tắc tổ chức xây dựng Đảng; tăng cường mối quan hệ máu thịt giữa Đảng với nhân dân, củng cố niềm tin của nhân dân đối với Đảng và Nhà nước.

Đổi mới, nâng cao chất lượng công tác xây dựng, ban hành và tổ chức thực hiện các nghị quyết của Đảng, luật pháp, chính sách của Nhà nước. Tăng cường công tác tổ chức và cán bộ; xây dựng tổ chức cơ sở đảng trong sạch, vững mạnh; phát huy tính tiên phong, gương mẫu, gần dân, sát dân của cán bộ, đảng viên; có cơ chế,

chính sách phát hiện, thu hút, sử dụng nhân tài; khuyến khích, động viên, bảo vệ những cán bộ năng động, sáng tạo, dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm; đồng thời xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm.

Nâng cao hiệu quả công tác tư tưởng, tuyên truyền, tạo sự thống nhất cao trong Đảng, đồng thuận trong xã hội; cải cách hành chính trong Đảng; đổi mới mạnh mẽ phương thức lãnh đạo của Đảng.

Ban Chấp hành Trung ương giao cho Bộ Chính trị chỉ đạo các Tiểu ban khẩn trương, nghiêm túc tiếp thu ý kiến của Trung ương, tiếp tục hoàn chỉnh các dự thảo gửi đại hội đảng bộ các cấp đóng góp ý kiến; tổ chức tốt việc tổng hợp, tiếp thu ý kiến của đại hội đảng bộ các cấp để hoàn thiện, nâng cao chất lượng các dự thảo văn kiện, trình Trung ương xem xét thông qua trong năm 2020, sau đó xin ý kiến nhân dân trước khi trình Đại hội XIII của Đảng.

Đề nghị các đồng chí Ủy viên Trung ương và các đồng chí tham dự Hội nghị tiếp tục suy nghĩ và có những đóng góp thiết thực, nâng cao chất lượng các dự thảo văn kiện,

đồng thời chỉ đạo tổ chức tốt đại hội đảng bộ các cấp.

2. Về kinh tế-xã hội, ngân sách nhà nước năm 2019-2020

Ban Chấp hành Trung ương nhất trí cho rằng, trong 9 tháng đầu năm 2019, nhờ có sự nỗ lực phấn đấu của toàn Đảng, toàn dân, toàn quân, kinh tế-xã hội nước ta tiếp tục có những chuyển biến tích cực, toàn diện trên các lĩnh vực. Dự báo, đến cuối năm 2019, có thể hoàn thành toàn bộ 12 chỉ tiêu kế hoạch đề ra, trong đó có 5 chỉ tiêu hoàn thành vượt mức.

Nổi bật là: Tốc độ tăng trưởng tiếp tục duy trì ở mức cao, ước đạt trên 6,8%, thuộc nhóm các nước có mức tăng trưởng cao nhất trong khu vực và trên thế giới; quy mô GDP ước đạt hơn 266 tỷ USD, bình quân đạt gần 2.800 USD/người. Chất lượng tăng trưởng được cải thiện. Kinh tế vĩ mô tiếp tục ổn định; lạm phát được kiểm soát ở mức thấp hơn nhiều so với mục tiêu Quốc hội đề ra. Đầu tư xã hội, năng lực sản xuất kinh doanh tăng mạnh.

Các cân đối lớn của nền kinh tế cơ bản được bảo đảm; kỷ luật, kỷ cương tài chính-ngân sách nhà nước được

tăng cường; bội chi ngân sách ở mức 3,4% GDP; nợ công giảm mạnh, xuống mức 55% GDP và ngày càng thấp xa hơn mức trần do Quốc hội quy định. Thị trường tiền tệ ổn định; cán cân thanh toán quốc tế được cải thiện; dự trữ ngoại hối tiếp tục tăng cao, đạt trên 70 tỷ USD. Xuất khẩu ước tăng khoảng 8% so với năm 2018.

Các lĩnh vực văn hóa, xã hội được quan tâm đầu tư phát triển, đạt được nhiều kết quả quan trọng, góp phần tích cực vào việc duy trì ổn định chính trị, bảo đảm trật tự, an toàn xã hội, nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của nhân dân.

Tập trung thực hiện tốt các chính sách đối với người có công, bảo đảm an sinh xã hội, tạo việc làm, giảm nghèo bền vững; tỷ lệ hộ nghèo theo chuẩn mới giảm xuống còn 5,23%; tỷ lệ bao phủ bảo hiểm y tế đạt trên 90%; hơn 50% số xã đạt chuẩn nông thôn mới, về đích sớm hơn kế hoạch gần 2 năm.

Công tác đào tạo nghề, giải quyết việc làm tiếp tục được đẩy mạnh, năng suất lao động được cải thiện; tỷ lệ thất nghiệp khu vực thành thị

giảm; cơ cấu lao động chuyển dịch theo hướng tích cực. Sự nghiệp y tế, thể dục, thể thao, bảo vệ, chăm sóc sức khoẻ, nâng cao chất lượng cuộc sống của nhân dân; đổi mới giáo dục và đào tạo, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, xây dựng con người; quản lý tài nguyên, bảo vệ môi trường, phòng, chống thiên tai, ứng phó với biến đổi khí hậu; phát triển khoa học và công nghệ, phong trào khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo đạt được nhiều kết quả tích cực.

Công tác phòng, chống tham nhũng, tiêu cực, lãng phí tiếp tục được đẩy mạnh, đạt được nhiều kết quả cụ thể, rõ rệt, được cán bộ, đảng viên và nhân dân hoan nghênh, đồng tình, đánh giá cao. Tiềm lực quốc phòng, an ninh được tăng cường; an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội được giữ vững; môi trường hoà bình, ổn định cho phát triển được bảo đảm. Hoạt động đối ngoại và hội nhập quốc tế được đẩy mạnh, ngày càng sâu rộng, góp phần nâng cao uy tín và vị thế của nước ta trên trường quốc tế.

Trung ương khẳng định, những kết quả, thành tích đạt được trong năm

2019 đã tạo đà và động lực mới, khí thế mới cho việc hoàn thành các mục tiêu, nhiệm vụ đề ra cho năm 2020 và 5 năm 2016-2020.

Tuy nhiên, Trung ương cũng chỉ rõ, bên cạnh những kết quả, thành tích đã đạt được, kinh tế-xã hội của đất nước vẫn đứng trước nhiều khó khăn, thách thức, còn tiềm ẩn một số yếu tố có thể tác động tiêu cực đến ổn định kinh tế vĩ mô, kiểm soát lạm phát, an ninh, trật tự xã hội. Tình hình trong nước, quốc tế và khu vực còn tiếp tục diễn biến nhanh chóng, phức tạp, khó lường.

Do đó, chúng ta tuyệt nhiên không được chủ quan, thoả mãn với kết quả, thành tích đã đạt được; trái lại, phải tiếp tục theo dõi, cập nhật tình hình, nỗ lực phấn đấu để hoàn thành thắng lợi các mục tiêu, nhiệm vụ đề ra cho năm 2019-2020, năm sau phải tốt đẹp hơn năm trước.

Trong năm 2020, tiếp tục củng cố, tăng cường nền tảng kinh tế vĩ mô, kiểm soát lạm phát, nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả, tính tự chủ và sức cạnh tranh của nền kinh tế. Đẩy mạnh đổi mới, hoàn thiện thể chế, khơi thông nguồn lực; tạo môi

trường đầu tư, kinh doanh thông thoáng, thuận lợi.

Thúc đẩy mạnh mẽ cơ cấu lại nền kinh tế gắn với đổi mới mô hình tăng trưởng; đẩy nhanh tiến độ thực hiện các dự án quan trọng quốc gia, các công trình trọng điểm; phát huy tốt vai trò của các vùng kinh tế, các đô thị lớn, thị trường trong nước và các ngành dịch vụ, du lịch.

Phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao gắn với phát triển khoa học-công nghệ và đổi mới sáng tạo; thúc đẩy tăng trưởng kinh tế nhanh và bền vững. Chú trọng phát triển văn hóa, xã hội, xây dựng con người, bảo đảm an sinh, nâng cao phúc lợi xã hội, cải thiện đời sống nhân dân.

Tăng cường quản lý tài nguyên, bảo vệ môi trường, phòng, chống thiên tai, ứng phó với biến đổi khí hậu. Tiếp tục đẩy mạnh cải cách hành chính, cải cách tư pháp, tinh gọn bộ máy, tinh giản biên chế, nâng cao hiệu lực, hiệu quả chỉ đạo điều hành và thực thi pháp luật. Tăng cường kỷ luật, kỷ cương; đẩy mạnh phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực. Làm tốt công tác thông tin truyền thông, tạo đồng thuận xã hội.

Củng cố quốc phòng, giữ vững an ninh quốc gia, ổn định chính trị, trật tự, an toàn xã hội. Kiên quyết, kiên trì đấu tranh bảo vệ chủ quyền, quyền chủ quyền biển, đảo quốc gia trên cơ sở luật pháp quốc tế. Chủ động, tích cực hội nhập quốc tế, mở rộng và nâng cao hiệu quả hoạt động đối ngoại, nâng cao vị thế và uy tín của Việt Nam trong khu vực và trên thế giới.

Để có thể hoàn thành thắng lợi các mục tiêu, nhiệm vụ chủ yếu đã đề ra, cần tiếp tục phát huy những kết quả, thành tích và kinh nghiệm, bài học đúc rút được từ thực tế đổi mới, tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, quản lý của Nhà nước, nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động của toàn hệ thống chính trị; phát huy dân chủ xã hội chủ nghĩa, quyền làm chủ của nhân dân, sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc, tinh thần năng động, sáng tạo, quyết liệt trong lãnh đạo, chỉ đạo tổ chức thực hiện của tất cả các cấp, các ngành từ Trung ương đến địa phương, cộng đồng các doanh nghiệp và các tầng lớp nhân dân.

3. Cũng tại Hội nghị này, sau khi xem xét các tờ trình của Bộ Chính

trị, Ban Chấp hành Trung ương đã bầu bổ sung 4 Ủy viên Ủy ban Kiểm tra Trung ương nhằm tăng cường hơn nữa sức mạnh của Ủy ban Kiểm tra Trung ương; xem xét thi hành kỷ luật bằng hình thức khai trừ ra khỏi Đảng đối với đồng chí Nguyễn Bắc Sơn, nguyên Ủy viên Trung ương Đảng khóa X, nguyên Phó Trưởng Ban Tuyên giáo Trung ương và đồng chí Trương Minh Tuấn, Ủy viên Trung ương Đảng khóa XII, Phó Trưởng ban Tuyên giáo Trung ương, nguyên Bí thư Ban cán sự đảng, nguyên Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông.

Như vậy, kể từ đầu nhiệm kỳ khóa XII đến nay, Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư, Ủy ban Kiểm tra Trung ương đã thi hành kỷ luật hơn 70 cán bộ cao cấp thuộc diện Trung ương quản lý, trong đó có 1 đồng chí Ủy viên Bộ Chính trị và 4 đồng chí Ủy viên Trung ương Đảng khóa XII, 14 đồng chí nguyên Ủy viên Trung ương Đảng, 1 đồng chí nguyên Phó Thủ tướng Chính phủ, 5 đồng chí Bộ trưởng và nguyên Bộ trưởng, 2 đồng chí Bí thư Tỉnh ủy, 5 đồng chí nguyên

Bí thư Tỉnh ủy và 17 đồng chí là tướng lĩnh; một số cán bộ đã bị xử lý hình sự; Bộ Chính trị, Ban Bí thư cũng đã kỷ luật 7 tổ chức đảng (Ban cán sự đảng Bộ Công Thương, Ban cán sự đảng Bộ Tài nguyên và Môi trường, Ban cán sự đảng Bộ Thông tin và Truyền thông, Ban cán sự đảng Bộ Giao thông vận tải, Ban Thường vụ Đảng ủy Ngoài nước, Ban Thường vụ Thành Ủy Đà Nẵng và Ban Thường vụ Tỉnh ủy Vĩnh Phúc).

Thật đau xót, nhưng không thể không làm, không có cách nào khác! Tất cả là vì sự nghiệp chung của Đảng, của đất nước, của nhân dân. Đây là bài học sâu sắc, bài học đắt giá cho tất cả chúng ta. Đề nghị từng đồng chí Ủy viên Trung ương Đảng và mỗi cán bộ, đảng viên, công chức cần thường xuyên tu dưỡng, rèn luyện, thường xuyên nêu gương, tự soi, tự sửa, tránh xa những cám dỗ vật chất, tham vọng để không đi vào vết xe đổ, gây ra những hậu quả, tổn thất khôn lường.

Chúng ta đang tích cực chuẩn bị đại hội đảng bộ các cấp tiến tới Đại hội XIII của Đảng, phải kiên quyết không để lọt vào cấp Ủy những cán

bộ vi phạm, thoái hóa, biến chất! Bất cứ trường hợp nào mà vi phạm kỷ luật, chúng ta phải xử lý nghiêm minh, làm nghiêm từ trên xuống dưới để giữ vững kỷ cương, kỷ luật của Đảng, để lấy lại và củng cố niềm tin và tình thương yêu, quý trọng của nhân dân.

Thưa các đồng chí,

Hội nghị lần thứ 11 Ban Chấp hành Trung ương Đảng đã thành công tốt đẹp. Thành công của Hội nghị lần này sẽ góp phần kết thúc thắng lợi năm 2019 (trong bối cảnh khó khăn hơn so với năm 2018), để bước vào triển khai thực hiện mục tiêu, nhiệm vụ đề ra cho năm 2020 với quyết tâm cao và khí thế mới.

Năm 2020 là năm cuối thực hiện Nghị quyết Đại hội lần thứ XII của Đảng, Kế hoạch phát triển kinh tế-xã hội 5 năm 2016-2020, Chiến lược phát triển kinh tế-xã hội 10 năm; năm tổ chức đại hội đảng bộ các cấp tiến tới Đại hội XIII của Đảng.

Tình hình thế giới, khu vực và trong nước đang tiếp tục diễn biến nhanh chóng, phức tạp, khó lường với những thay đổi lớn lao, tạo ra nhiều thời cơ, thuận lợi, song cũng

đặt ra không ít khó khăn, thách thức ở mức độ, quy mô và tính chất rất khác so với trước đây, đòi hỏi toàn Đảng, toàn dân và toàn quân ta phải nỗ lực phấn đấu rất cao, quyết tâm rất lớn để hoàn thành thắng lợi các mục tiêu, nhiệm vụ của năm 2020 và nhiệm vụ khóa XII.

Để nghị các đồng chí Trung ương, các đồng chí tham dự Hội nghị và đồng bào, đồng chí, chiến sĩ cả nước, chung sức đồng lòng, phát huy những kết quả, thành tích đạt được trong năm 2019 và truyền thống đoàn kết, yêu nước của dân tộc ta, thực hiện thật tốt các nghị quyết của Đảng và Nghị quyết Hội nghị Trung ương lần này, tạo ra khí thế mới, xung lực mới cho việc hoàn thành thắng lợi mục tiêu, nhiệm vụ Đại hội XII đã đề ra; đồng thời tích cực chuẩn bị và tiến hành thành công đại hội đảng bộ các cấp và Đại hội toàn quốc lần thứ XIII của Đảng.

Với tinh thần đó, tôi xin tuyên bố bế mạc Hội nghị lần thứ 11 Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII. Chúc các đồng chí sức khỏe, hạnh phúc và thành công!

Xin trân trọng cảm ơn” ■

ĐỒNG CHÍ TRẦN QUỐC VƯỢNG, ỦY VIÊN BỘ CHÍNH TRỊ, THƯỜNG TRỰC BAN BÍ THƯ LÀM VIỆC VỚI HỘI ĐỒNG LÝ LUẬN TRUNG ƯƠNG

Ngày 15/10, tại Hà Nội, đồng chí Trần Quốc Vượng, Ủy viên Bộ Chính trị, Thường trực Ban Bí thư đã làm việc với Hội đồng Lý luận Trung ương.

Tham dự buổi làm việc có đại diện lãnh đạo Văn phòng Trung ương Đảng, Ban Tổ chức Trung ương, Ban Tuyên giáo Trung ương, Ban Đối ngoại Trung ương, Ban Cán sự đảng Bộ KH&CN, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam.

Tại buổi làm việc, GS.TS. Nguyễn Xuân Thắng, Bí thư Trung ương Đảng, Chủ tịch Hội đồng Lý luận Trung ương, Giám đốc Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh cho biết, qua gần 23 năm thành lập, với thành viên chủ yếu là cán bộ kiêm nhiệm, biên chế chuyên trách rất ít,

điều kiện cơ sở vật chất còn hạn chế, nhưng với tinh thần đoàn kết, trách nhiệm cao trong công việc, Hội đồng Lý luận Trung ương luôn vượt qua mọi khó khăn, hoàn thành tốt mọi công việc theo chức năng, nhiệm vụ được Bộ Chính trị, Ban Bí thư giao.

Nổi bật là đã nghiên cứu, xây dựng báo cáo tư vấn phục vụ các hội nghị Trung ương; là đầu mối trong triển khai nghiên cứu, tổng kết một số vấn đề lý luận-thực tiễn qua 30 năm đổi mới, 30 năm thực hiện Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội (Cương lĩnh năm 1991), trọng tâm là 10 năm thực hiện Cương lĩnh (bổ sung, phát triển năm 2011); tổ chức triển khai thực hiện Chương trình nghiên cứu khoa học lý luận chính trị qua các giai đoạn, đặc biệt từ năm 2006 đến nay;

tham gia và đóng vai trò nòng cốt trong Tổ Biên tập của Tiểu ban Văn kiện, trực tiếp tham gia xây dựng các dự thảo văn kiện trình Đại hội XII, XIII của Đảng; trực tiếp tham gia đấu tranh và cung cấp luận cứ đấu tranh phản bác các quan điểm trái với chủ trương, đường lối của Đảng.

Qua gần 23 năm thành lập, Hội đồng Lý luận Trung ương ngày càng trưởng thành, vững mạnh, khẳng định vị thế là một trong những cơ quan nghiên cứu lý luận chính trị hàng đầu, là cái nôi tập hợp, quy tụ các chuyên gia, nhà nghiên cứu lớn trong cả nước trong triển khai nghiên cứu các vấn đề lý luận chính trị, làm cơ sở cho việc hoạch định, hoàn thiện, phát triển đường lối, chính sách của Đảng.

Báo cáo về kết quả thực hiện chức năng, nhiệm vụ của Hội đồng trong hơn 3 năm qua, GS, TS Phùng Hữu Phú, Phó Chủ tịch thường trực Hội đồng đã nêu bật 10 kết quả đạt được, trong đó có phân tích rõ nguyên nhân kết quả và những hạn chế cần khắc phục.

Phát biểu chỉ đạo tại buổi làm việc, Thường trực Ban Bí thư Trần Quốc

Vượng ghi nhận, Hội đồng và Cơ quan Hội đồng Lý luận Trung ương đã có nhiều đổi mới về cách thức hoạt động, đề cao vai trò và hoạt động của các tiểu ban, đổi mới quy trình xây dựng các báo cáo tư vấn, các chuyên đề, các báo cáo, đẩy mạnh và đổi mới khảo sát thực tế, gắn kết chặt chẽ nghiên cứu lý luận với định hướng chính sách, phát huy dân chủ, tăng cường trao đổi, tọa đàm sâu với các chuyên gia, các học giả trong và ngoài nước.

Thường trực Ban Bí thư nhấn mạnh, lý luận và công tác lý luận có vai trò cực kỳ quan trọng đối với Đảng ta. Sự nghiệp đổi mới, xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc của Đảng và nhân dân ta đạt được những thành tựu to lớn, có ý nghĩa lịch sử, nhưng cũng đứng trước nhiều khó khăn, thách thức, trong bối cảnh tình hình thế giới, khu vực thay đổi nhanh chóng, diễn biến rất phức tạp, đặt ra nhiều vấn đề đòi hỏi phải làm rõ về lý luận. Đây là vấn đề rất quan trọng đối với Đảng cầm quyền. Đồng chí Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng rất quan tâm tới công tác nghiên cứu lý luận nói chung và hoạt

động của Hội đồng Lý luận Trung ương nói riêng.

Để phục vụ thiết thực và có chất lượng việc hoàn thiện các văn kiện trình Đại hội XIII của Đảng, Thường trực Ban Bí thư Trần Quốc Vương đề nghị Hội đồng Lý luận Trung ương, lực lượng nòng cốt của Tổ Biên tập giúp việc Tiểu ban Văn kiện, sau Hội nghị Trung ương 11, cần tiếp thu đầy đủ các ý kiến của Trung ương, tiếp tục nghiên cứu, tiếp thu ý kiến góp ý của các tổ chức đảng, cán bộ, đảng viên, nhân dân. Chắt lọc kết quả nghiên cứu của các chương trình, đề tài nghiên cứu khoa học lý luận chính trị, các cơ quan nghiên cứu, các nhà khoa học để góp phần hoàn thiện dự thảo Báo cáo chính trị, dự thảo Báo cáo Tổng kết một số vấn đề lý luận-thực tiễn qua 30 năm thực hiện Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội; trọng tâm là 10 năm thực hiện Cương lĩnh (bổ sung, phát triển năm 2011); nâng cao chất lượng các báo cáo.

Hội đồng cần tập trung nghiên cứu, cập nhật tình hình quốc tế và khu vực để có những phân tích sâu sát với thực tế, dự báo bối cảnh thế

giới và trong nước trong những năm sắp tới; làm rõ tiêu chí của nước phát triển, nước công nghiệp hiện đại, tiêu chí về thu nhập bình quân đầu người để xác định mục tiêu đến năm 2025, 2030 và tầm nhìn đến năm 2045; bổ sung, hoàn thiện làm rõ nội hàm của 3 đột phá chiến lược cho phù hợp; tập trung làm rõ vai trò, chức năng của kinh tế nhà nước và doanh nghiệp nhà nước và cơ chế quản lý của Nhà nước đối với doanh nghiệp nhà nước, quản trị doanh nghiệp nhà nước trong nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa.

Thường trực Ban Bí thư nhấn mạnh, Hội đồng Lý luận Trung ương cần tiếp tục nâng cao chất lượng đấu tranh chống các quan điểm sai trái, bảo vệ quan điểm, đường lối của Đảng, tăng cường sự thống nhất tư tưởng trong Đảng, sự đồng thuận xã hội, củng cố niềm tin của nhân dân vào Đảng, Nhà nước. Đồng thời mở rộng quan hệ quốc tế; triển khai kế hoạch học tập của Bộ Chính trị, Ban Bí thư; thực hiện tốt những nhiệm vụ do Bộ Chính trị, Ban Bí thư giao, những việc theo chức năng, nhiệm vụ của Hội đồng ■



NGHIÊN CỨU - TRAO ĐỔI

VỀ CƠ CHẾ VẬN HÀNH GIỮA ĐẢNG, NHÀ NƯỚC VÀ MẶT TRẬN TRONG HỆ THỐNG CHÍNH TRỊ Ở NƯỚC TA

● GS, TS VŨ VĂN HIỀN

Hội đồng Lý luận Trung ương

Hệ thống chính trị đặc thù của nước ta có ba trụ cột tạo thế chân kiềng vững chắc là Đảng, Nhà nước và Mặt trận Tổ quốc. Ba trụ cột này có quan hệ mật thiết, gắn bó và vận hành ngày một nhuần nhuyễn theo cơ chế: Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý, Mặt trận giám sát, phản biện. Trong sự nghiệp đổi mới của chúng ta hiện nay, cùng với đổi mới kinh tế, vấn đề đổi mới hệ thống chính trị đang đặt ra rất cấp bách. Đó là đổi mới sự lãnh đạo của Đảng, đổi mới cơ cấu tổ chức và hoạt động của Nhà nước và Mặt trận cùng các tổ chức quần chúng nhằm xây dựng nền dân chủ

với tính chất là mục tiêu và động lực của chủ nghĩa xã hội. Công việc này đương nhiên rất khó khăn, phức tạp. Chính vì vậy, việc nghiên cứu về cơ chế “Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý, Mặt trận giám sát, phản biện” bảo đảm thật sự phù hợp và ngang tầm những yêu cầu của công cuộc đổi mới có một ý nghĩa cực kỳ to lớn cả về phương diện lý luận lẫn tổ chức thực hiện, nhằm đưa đất nước tiếp tục tiến lên một cách mạnh mẽ và vững chắc theo con đường xã hội chủ nghĩa.

1. Lôgích của cơ chế và quan hệ giữa lãnh đạo, quản lý và giám sát, phản biện

Cơ chế là cách thức, phương pháp mà theo đó các quá trình được thực hiện. Cơ chế vận hành của hệ thống chính trị - xã hội là phương thức vận động của tổng thể xã hội được tổ chức, hướng dẫn và điều hành theo những thể chế, quan hệ vốn có đã được quy định và thừa nhận; nó phải phù hợp với yêu cầu của các quy luật phát triển xã hội nói chung và đặc điểm của chế độ xã hội nói riêng. Cơ chế vận hành đúng đắn sẽ tạo điều kiện thuận lợi để phát huy những yếu tố tích cực, hạn chế những tiêu cực, thúc đẩy xã hội phát triển mạnh mẽ, đúng hướng.

Cơ chế “Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý, Mặt trận giám sát, phân biện” xuất phát từ yêu cầu thể chế hóa những quan hệ bản chất về chính trị và xã hội phù hợp với đặc điểm của nước ta. Cơ chế đó đòi hỏi phân định rõ vai trò, chức năng của các tổ chức thành viên trong hệ thống chính trị nhằm đảm bảo quyền làm chủ thật sự của nhân dân lao động, tạo động lực cho sự phát triển của đất nước.

Cơ chế này được cấu thành bởi ba nhân tố: Đảng, Nhà nước, Mặt trận.

Nhân tố thứ nhất và thứ hai nhằm chỉ các tổ chức bộ máy trong hệ thống chính trị. Nhân tố thứ ba không chỉ nói về tổ chức bộ máy trong hệ thống chính trị, mà còn thể hiện ý chí và nguyện vọng của toàn thể nhân dân. Vậy ba nhân tố ấy hợp lại phải mang tính đồng bộ như thế nào? Đảng, Nhà nước, Mặt trận và các tổ chức quần chúng nhân dân; điều gì bảo đảm cho sự đồng bộ ấy?

Có thể nhìn nhận cơ chế nêu trên là cơ chế chức năng nhiệm vụ và khi đó phải xác định rõ chức năng của mỗi nhân tố. Đó là chức năng của Đảng, chức năng của Nhà nước, chức năng của Mặt trận và các tổ chức quần chúng nhân dân.

Trước hết xin đề cập đến chức năng của Đảng. Đảng phải lãnh đạo thì xây dựng chủ nghĩa xã hội mới thành công. Đó là điều hiển nhiên. Song, cơ chế mà chúng ta cần xây dựng không chỉ hướng mục đích chính vào việc khẳng định quy luật phổ biến ấy, mà muốn nhấn mạnh Đảng phải làm đúng chức năng của mình là lãnh đạo chứ không phải làm thay chức năng quản lý của Nhà nước hay trở thành bộ máy

quan liêu, không động viên và khơi dậy được quyền làm chủ của nhân dân. Đây là vấn đề có ý nghĩa rất thời sự. Song vấn đề tiếp tục đặt ra là Đảng lãnh đạo như thế nào? Sự sụp đổ chế độ xã hội chủ nghĩa ở Đông Âu và Liên Xô trước đây không phải vì các đảng cộng sản không nắm được quyền lãnh đạo, mà chủ yếu vì các đảng đó xa rời phương pháp dân chủ trong lãnh đạo, vì các đảng đó lãnh đạo một cách quan liêu, mệnh lệnh, đứng trên tất cả, không nắm được đối tượng lãnh đạo nghĩ gì và hành động như thế nào. Chính sự biến dạng về lãnh đạo đã làm cho vai trò của đảng bị suy giảm trong thực tế, dù nó được ghi trên hiến pháp. Không thể giải đáp vấn đề vô cùng phức tạp này chỉ bằng công thức giản đơn, bằng cách phân biệt lãnh đạo và quản lý hay lãnh đạo với việc giám sát, phản biện. Bài học từ sự sụp đổ chế độ xã hội chủ nghĩa ở Đông Âu và Liên Xô cho thấy, một khi đảng cứ chủ quan với sự lãnh đạo của mình, với vị thế đứng trên nhà nước, đứng trên xã hội, lại thiếu đi sự gắn bó máu thịt với nhân dân, thiếu đi sự

hiện thân từ nhân dân, thì kết quả là không biết đến những tâm tư nguyện vọng và cả sự bất bình của nhân dân; đến khi có sự biến thì nhân dân đứng ngoài cuộc.

Đảng lãnh đạo là hiển nhiên rồi, nhưng vấn đề nữa đặt ra là Đảng có quản lý không? Trong thời kỳ đấu tranh giành chính quyền, Đảng thực hiện vai trò, nhiệm vụ chủ yếu là lãnh đạo giành chính quyền. Khi chính quyền đã về tay nhân dân thì Đảng lãnh đạo Nhà nước quản lý, đồng thời hướng dẫn nhân dân quản lý. Không ai có thể phủ nhận vai trò quản lý chính quyền và xã hội của Đảng với tư cách là Đảng cầm quyền. Hơn nữa, Đảng còn là nhân tố cực kỳ trọng yếu của quản lý. Lenin từng chỉ rõ: khi giai cấp vô sản đã giành được chính quyền thì nhiệm vụ quản lý trở thành nhiệm vụ chủ yếu và trung tâm. Đảng không thể thoái thác trách nhiệm quản lý với nghĩa đầy đủ của từ này, nghĩa là “tổ chức trong lĩnh vực thực tiễn”. Đảng phải quản lý theo phương pháp của Đảng và không thể làm thay việc quản lý của Nhà nước như nhiều khi chúng ta vẫn làm.

Đảng lãnh đạo bằng đường lối chính trị đúng đắn, biểu hiện những lợi ích căn bản của nhân dân, bằng thuyết phục nhân dân thừa nhận đường lối của Đảng, bằng đào tạo và giáo dục cán bộ, đảng viên để nhân dân lựa chọn các chức vụ của chính quyền nhà nước. Đảng lãnh đạo bằng đề xuất những phương hướng, kế hoạch lớn phát triển kinh tế - xã hội có căn cứ khoa học được quần chúng bàn bạc, bổ sung và trở thành định hướng để nhà nước vạch ra và chỉ đạo thực hiện các chương trình kế hoạch, chính sách và luật pháp, đảng là tổ chức duy nhất có chức năng lãnh đạo như vậy.

Vấn đề *Nhà nước quản lý*. Theo cơ chế, nhà nước làm chức năng quản lý. Nhưng đó phải chăng là nhà nước chỉ quản lý chứ hoàn toàn không lãnh đạo? Không. Nhà nước có chức năng quản lý xã hội nhưng cũng có nhiệm vụ lãnh đạo chứ không phải đơn thuần chỉ là bộ máy thừa hành. Nhà nước được nhân dân trao cho quyền lực và chịu trách nhiệm quản lý mọi mặt đời sống xã hội trước nhân dân. Hoạt động của nhà nước tuân thủ sự lãnh đạo của đảng cũng

có nghĩa là nhân dân chấp thuận sự lãnh đạo của đảng. Song sự lãnh đạo của đảng phải bảo đảm vai trò chủ động rất lớn cho nhà nước chứ không phải “dắt tay” nhà nước trong mọi hoạt động của nó. Sẽ là hoàn toàn sai lầm nếu hiểu có sự chia quyền lãnh đạo chính trị giữa đảng và nhà nước. Cũng sẽ sai lầm nếu hiểu sự quản lý của nhà nước không mang tính chất hoạt động lãnh đạo theo nghĩa rộng rãi nhất của khái niệm này.

Về chức năng của nhà nước, cơ chế được nói gọn bằng từ “quản lý”. Nhà nước ta là nhà nước của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân, là sự tập trung quyền lực của nhân dân và thay mặt nhân dân để quản lý xã hội. Như vậy, chức năng quản lý xã hội là chức năng chính yếu của Nhà nước. Nhà nước là trung tâm của cơ chế quản lý xã hội. Nhưng quản lý không phải là việc riêng của Nhà nước, mặc dầu mọi đầu mối quản lý phải tập trung vào Nhà nước. Vậy thì nhân dân không quản lý sao? Sức sống của xã hội ta là ở chỗ nhân dân giành được quyền quản lý xã hội và ngày càng trực tiếp bắt tay vào công

việc quản lý. Hiện tại chúng ta phải giải quyết đúng đắn mối quan hệ giữa Nhà nước quản lý và nhân dân làm chủ. Ai cũng biết rằng có quyền làm chủ là một việc, thật sự làm chủ lại là việc khác. Để làm người chủ thật sự, nhân dân phải bắt tay vào việc quản lý mọi mặt đời sống xã hội, phải tham gia ngày càng đông đảo và có hiệu quả thực tế vào việc quản lý nhà nước. Vì Nhà nước không chỉ là chủ thể quản lý, mà còn là “đối tượng” của nhân dân quản lý. Nhưng quản lý nhà nước không phải là một năng lực bẩm sinh của mọi người dân. Trình độ quản lý của người lao động nước ta còn yếu kém, điều đó dễ hiểu, vì các chế độ cũ đã gạt nhân dân lao động ra khỏi vai trò quản lý xã hội và quản lý nhà nước, vì nhân dân chưa có kinh nghiệm quản lý trong khi trình độ dân trí lại chưa cao.

Ngày nay, mục đích của chúng ta là làm sao những người lao động đều được thực hiện tham gia quản lý, ở mức độ này hay mức độ khác, một cách thực sự dân chủ. Nếu ngày nay người lao động lại tiếp tục bị tách khỏi công việc quản lý thì không

tránh khỏi trở thành tình trạng phải có một lớp người chuyên quản lý, còn quần chúng nhân dân sẽ vẫn chỉ là người thừa hành, bảo sao làm vậy. Và như thế thì sao gọi là nhân dân làm chủ. Điều này được giải đáp với việc thực hiện vai trò của Mặt trận và các đoàn thể của nhân dân. Mặt trận và các đoàn thể nhân dân là lực lượng rộng rãi nhất, đông đảo nhất của hệ thống chính trị, là cơ quan đại diện cho ý chí, nguyện vọng của nhân dân để qua đó nhân dân thực hiện quyền làm chủ của mình một cách hiệu quả nhất. Thực hiện sự ủy quyền của nhân dân, Mặt trận có chức năng giám sát và phản biện. Giám sát và phản biện bao gồm cả giám sát, phản biện sự lãnh đạo của Đảng và sự quản lý của Nhà nước. Thông qua việc giám sát và phản biện một cách chủ động, tích cực, hiệu quả, sự lãnh đạo của Đảng cũng như sự quản lý của Nhà nước được thực hiện một cách nhuần nhuyễn, nhịp nhàng, toàn bộ hệ thống chính trị là một khối thống nhất ý chí và hành động, tạo ra sức mạnh vô địch của chế độ xã hội. Vì vậy, nếu chỉ dừng lại nói “nhân dân làm chủ” thì

thấy rất đúng, nhưng còn quá chung chung và trừu tượng. Cần phải nhấn mạnh thêm rằng, làm chủ ở đây bao hàm cả việc nhân dân quản lý, nhân dân giám sát, nhân dân phản biện đối với các chủ trương của Đảng, pháp luật của Nhà nước và hoạt động của bộ máy công quyền.

Cần khẳng định nguyên tắc “mọi quyền lực trong xã hội đều thuộc về nhân dân” trong cơ chế hoạt động của hệ thống chính trị của chúng ta. Nguyên tắc này cụ thể và có “ý nghĩa cơ chế” tương đồng khái niệm “làm chủ”, nhưng có phần rõ nét hơn và cụ thể hơn. Nếu có quan niệm rõ ràng, đầy đủ về các quyền của nhân dân, nhất là quyền quản lý nhà nước và các quyền đó lại được bảo đảm bởi sự lãnh đạo đúng đắn của Đảng, được thể hiện hóa bằng pháp luật, thông qua Tổ chức Mặt trận để thực hiện chức năng giám sát, phản biện thì khi đó “làm chủ” không những có nội dung lý luận mà còn có ý nghĩa thực tiễn sâu sắc.

Nói tóm lại, quan niệm về “Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý, Mặt trận giám sát, phản biện” là một quan niệm mở. Nó có thể rất mềm dẻo, và

là chức năng chủ yếu của những bộ phận cơ bản của thể chế xã hội ta. Bởi, bản thân các khái niệm “lãnh đạo”, “quản lý”, “giám sát, phản biện” là các *khái niệm động*. Và nữa, như V.I.Lênin nói, các khái niệm, các định nghĩa chỉ là tương đối, chúng luôn “tràn” sang nhau. Do đó, việc nhận thức nội hàm của cơ chế là cần thiết, làm cơ sở cho việc hoạch định và phân định các nhiệm vụ, chức năng của ba nhân tố: Đảng, Mặt trận và Nhà nước trong thực tiễn, nhưng rất cần chú ý tới sự mềm dẻo một cách khách quan từ tự thân các khái niệm cấu thành cơ chế, đó là tất yếu.

2. Những điều kiện cơ bản bảo đảm cho sự vận hành của cơ chế “Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý, Mặt trận giám sát, phản biện”

Không phải bây giờ chúng ta mới thấy rằng muốn thực hiện cơ chế nêu trên thì Đảng phải thực sự đổi mới, chỉnh đốn, trở thành Đảng của trí tuệ, của niềm tin, Đảng là hạt nhân của khối đoàn kết toàn dân; Nhà nước phải thực sự của dân, do dân, vì dân và trong sạch, vững mạnh, có đủ trình độ và đủ tầm để quản lý, điều hành xã hội; nhân dân

phải biết cách thực hiện quyền làm chủ, phải vươn tới sự hoàn thiện để có thể làm chủ các mặt của đời sống xã hội, làm chủ xã hội, làm chủ thiên nhiên và làm chủ bản thân; Mặt trận thực hiện sự ủy quyền của nhân dân để thực hiện chức năng giám sát, phản biện.

Đã hiểu như vậy, đã làm theo hướng đó và đã đạt được một số kết quả quan trọng, nhưng việc thực hiện cơ chế Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý, Mặt trận giám sát, phản biện vẫn còn những vướng mắc. Có thể nêu một thực trạng là trong nhiều lúc, ở nhiều nơi, nói dân làm chủ, Mặt trận giám sát, phản biện đã nhiều, nhưng có khi càng nói thì càng thấy có hiện tượng mất dân chủ. Vị trí, vai trò của Nhà nước, chức năng, nhiệm vụ quản lý ngày càng được đề cao, nhưng vẫn tồn đọng và thấy rõ nhiều mặt yếu kém: xã hội còn nhiều tệ nạn, tiêu cực; kỷ cương kỷ luật xã hội chưa nghiêm; cùng với hiện tượng độc đoán, chuyên quyền, quan liêu, hách dịch trong giới chức thì ngoài xã hội, tình trạng vô chính phủ không phải khó thấy. Đảng đã thực

hiện chỉnh đốn, đổi mới mọi mặt, nhưng có nơi, có lúc một số tổ chức đảng cũng như không ít đảng viên không những không làm tròn phận sự của mình, mà còn có biểu hiện thoái hóa, biến chất, làm giảm uy tín của Đảng.

Vì thế, có thể tìm ở những tồn tại đó để rút ra một vấn đề cơ bản hơn. Đó là những điều kiện để thực hiện cho được cơ chế.

Một là với tư cách là chính thể của hệ thống chính trị: Đảng - Nhà nước - Mặt trận, muốn vận hành một cách có kết quả, đúng định hướng, nhất định phải có sự phối hợp chung của cả ba bộ phận và mỗi một bộ phận phải thực hiện cho được chức năng, nhiệm vụ của mình: Đảng phải hội tụ cho được những bản lĩnh và yêu cầu của một tổ chức lãnh đạo; Nhà nước phải tự mình trong sạch, vững mạnh, có đủ trình độ và bản lĩnh để thực hiện sự điều hành quản lý đất nước, quản lý xã hội; Mặt trận có đủ năng lực và trình độ để giám sát, phản biện.

Hai là, cơ chế đó phải từng bước được thể chế hóa bằng pháp luật, bằng các văn bản dưới luật, bằng các

định chế rõ ràng. Để đi tới “vương quốc tự do” (như cách nói của Ăngghen) nhất định phải trải qua “vương quốc tất yếu”. Chỉ có sự phân công, phân nhiệm rõ ràng, phối hợp chặt chẽ và có công cụ pháp lý để thi hành thì mới xác lập một cách tốt nhất chức năng, nhiệm vụ của từng bộ phận trong hệ thống chính trị của chúng ta.

Ba là, để cơ chế Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý và đặc biệt là Mặt trận giám sát, phản biện vận hành một cách đồng bộ, nhịp nhàng, cần phải bảo đảm điều kiện vật chất - văn hóa - xã hội ở một trình độ phát triển nhất định, phải nâng tầm dân trí. Điều kiện kinh tế - văn hóa - xã hội ở đây chính là đời sống vật chất của nhân dân phải được bảo đảm và từng bước cải thiện, an toàn xã hội và ổn định xã hội được bảo đảm; nhân dân được hưởng thụ những sản phẩm phong phú, đa dạng và cao đẹp của nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc. Trình độ dân trí thể hiện ở sự hiểu biết, tôn trọng pháp luật, kỷ cương, hiểu biết về quy luật phát triển của tự nhiên, của xã hội, hiểu biết về thời cuộc và

nhiệm vụ cũng như con đường đi lên của sự nghiệp cách mạng. Với một trình độ dân trí cao và điều kiện kinh tế - chính trị - văn hóa - xã hội có bước phát triển nhất định, vai trò, vị trí và khả năng làm chủ của nhân dân sẽ được nâng lên, và qua đó chức năng giám sát, phản biện của Mặt trận sẽ được thực thi hiệu quả, tạo những điều kiện cần thiết và thúc đẩy năng lực quản lý của Nhà nước và củng cố, phát huy vai trò lãnh đạo của Đảng.

Bởi vậy, cùng với việc nghiên cứu, từng bước hoàn thiện những yếu tố cụ thể của cơ chế vận hành giữa Đảng - Nhà nước - Mặt trận, vấn đề vô cùng quan trọng mà chúng ta đang ra sức thực hiện và chắc chắn thực hiện tốt là phát triển kinh tế - chính trị - văn hóa - xã hội, nâng cao vị trí, vai trò của Mặt trận và các tổ chức chính trị - xã hội làm nòng cốt để nhân dân làm chủ; xây dựng Nhà nước thực sự trong sạch, vững mạnh; xây dựng Đảng ngang tầm đòi hỏi của sự nghiệp cách mạng, thực sự là hạt nhân của khối đại đoàn kết dân tộc, là Đảng của trí tuệ và niềm tin ■

KỶ NIỆM 70 NĂM BÀI BÁO "DÂN VẬN" CÔNG TÁC DÂN VẬN VỚI VIỆC XÂY DỰNG NIỀM TIN, KHÁT VỌNG PHÁT TRIỂN CỦA TOÀN DÂN TỘC TRONG TÌNH HÌNH HIỆN NAY

● PGS, TS NGÔ VĂN THẠO

Hội đồng Lý luận Trung ương

1 Dân vận là bài báo được Chủ tịch Hồ Chí Minh viết dưới bút danh X.Y.Z đăng trên Báo Sự thật, số 120, ngày 15-10-1949. Đây là một bài viết rất ngắn gọn, từ đầu đề (chỉ gồm hai từ), đến dung lượng (chỉ 573 từ); được thể hiện bằng ngôn ngữ giản dị, gần gũi với quần chúng; có tính khái quát cao, nhưng rất dễ nhớ, dễ thuộc và dễ làm theo.

Trong bốn mục lớn của bài báo, theo thứ tự từ I đến IV, Chủ tịch Hồ Chí Minh viết về: (1) Nước ta là nước dân chủ; (2) Dân vận là gì? (3) Ai phụ trách dân vận? (4). Dân vận phải thế

nào? Đầu tiên Chủ tịch Hồ Chí Minh khẳng định bản chất dân chủ của chế độ xã hội mới, của dân, do dân và vì dân. Từ sự khẳng định bản chất đó, Người chỉ rõ các nội dung về công tác dân vận như sau: Dân vận là: "...vận động tất cả lực lượng của mỗi một người dân không để sót một người dân nào, góp thành lực lượng toàn dân, để thực hành những công việc Chính phủ và Đoàn thể giao cho". Phụ trách dân vận là: "tất cả cán bộ chính quyền, tất cả cán bộ đoàn thể và tất cả hội viên của các tổ chức nhân dân (Liên Việt, Việt Minh, v.v.)". Dân vận thì phải "óc nghĩ, mắt trông,

tai nghe, chân đi, miệng nói, tay làm”. Cuối cùng, Người cho rằng, xem khinh việc dân vận là “khuyết điểm to”; là “sai lầm rất to, rất tai hại”, và: “Lực lượng của dân rất to. Việc dân vận rất quan trọng. Dân vận kém thì việc gì cũng kém. Dân vận khéo thì việc gì cũng thành công”.

Tác phẩm “Dân vận” của Chủ tịch Hồ Chí Minh có thể coi là “Cương lĩnh dân vận” của Đảng Cộng sản Việt Nam, có giá trị lý luận và thực tiễn sâu sắc. Đó là cơ sở lý luận để Đảng, Nhà nước ta đề ra các chủ trương, chính sách về công tác dân vận trong các giai đoạn cách mạng. Từ sự khẳng định của Chủ tịch Hồ Chí Minh: “công việc đổi mới, xây dựng là trách nhiệm của dân”; “sự nghiệp kháng chiến, kiến quốc là công việc của dân”, “quyền hành và lực lượng đều ở nơi dân”; “lực lượng của dân rất to”; “dân vận kém việc gì cũng kém”; “Dân vận khéo thì việc gì cũng thành công”, thủ bản về việc xây dựng niềm tin và khát vọng phát triển của toàn dân tộc trong giai đoạn hiện nay và vai trò, nhiệm vụ của công tác dân vận.

2. Học tập và làm theo tư tưởng Hồ Chí Minh trong giai đoạn hiện

nay, việc xây dựng niềm tin và khát vọng phát triển của toàn dân tộc có vai trò rất quan trọng, thậm chí có tính quyết định đối với sự phát triển. Bởi vậy, xây dựng niềm tin và khát vọng phát triển của toàn dân tộc cần được thể hiện rõ trong quan điểm, đường lối, mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp phát triển đất nước, với sự tham gia của công tác dân vận.

Lịch sử của dân tộc Việt Nam chứng minh về một chân lý: Khi có niềm tin, khát vọng của nhân dân là có tất cả. Niềm tin vào thắng lợi, chính nghĩa của quân dân Nhà Trần, quyết tâm “sát thát” đã mang lại chiến thắng trong 3 lần chống quân xâm lược Nguyên Mông, đội quân mạnh nhất trong lịch sử thế giới thời đó. Niềm tin vào chính nghĩa của Lê Lợi, Nguyễn Trãi và nhân dân trong chống giặc Minh đã vượt qua 10 năm gian khổ “nếm mật, nằm gai”, giành lại nền độc lập cho dân tộc. Niềm tin, khát vọng giành lại nền độc lập của dân tộc đã giúp cho Đảng với 5.000 đảng viên huy động được sức mạnh của “25 triệu đồng bào Tổ quốc” làm nên cuộc Cách mạng Tháng Tám, giành lại nền độc lập sau 81 năm bị

thực dân Pháp đô hộ. Niềm tin, khát vọng bảo vệ nền độc lập dân tộc, dù phải hy sinh tất cả chứ nhất định không chịu mất nước, không chịu làm nô lệ đã làm nên Điện Biên phủ, Đại thắng Mùa Xuân 1975... Niềm tin, khát vọng phát triển đất nước “dân chủ, cộng hòa, độc lập, tự do, hạnh phúc” đã thể hiện rõ trong thư của Chủ tịch Hồ Chí Minh gửi học sinh nhân ngày khai trường đầu tiên của nước Việt Nam mới, tháng 9-1945: “Non sông Việt Nam có trở nên vẻ vang hay không, dân tộc Việt Nam có bước lên đài vinh quang sánh vai với cường quốc năm châu hay không, điều đó phần lớn phụ thuộc vào công học tập của các em”.

3. Xây dựng, củng cố niềm tin, khát vọng phát triển của toàn dân tộc là tạo một nguồn động lực to lớn cho phát triển đất nước hiện nay. Những thành tựu to lớn, có ý nghĩa lịch sử của công cuộc đổi mới dưới sự lãnh đạo của Đảng đã tạo nên niềm tin vào sự phát triển của đất nước trong giai đoạn mới. Nhìn lại 3 năm thực hiện Nghị quyết Đại hội XII của Đảng, với những thành tựu to lớn rất quan trọng, tạo chuyển biến rõ rệt

trên nhiều lĩnh vực, đã làm cho thế và lực của ta đã khác trước, “đất nước đang rất khởi sắc, vận nước đang lên”, như nhiều đại biểu Quốc hội đã phát biểu, đánh giá. Thủ tướng Nguyễn Xuân Phúc đã nhiều lần bày tỏ tại các diễn đàn, rằng Việt Nam có tầm nhìn và khát vọng về một quốc gia thịnh vượng vào năm 2045 - mốc lịch sử 100 năm giành lại nền độc lập dân tộc. Đó là mục tiêu Việt Nam sẽ là một nước phát triển, với thu nhập người dân hơn 18.000 USD/năm. Đó là niềm tin, là khát vọng cháy bỏng về một Việt Nam thịnh vượng, gia nhập nhóm các quốc gia có thu nhập cao trên thế giới, là thành viên có trách nhiệm, chia sẻ trở lại với cộng đồng quốc tế...

Khát vọng hùng cường, thịnh vượng không chỉ là khát khao cháy bỏng của mỗi người Việt Nam mà còn là tiềm năng, năng lượng cho sự phát triển của đất nước. Tinh thần ấy được thể hiện trong chỉ số của “tinh thần khởi nghiệp”, với 92% người được hỏi sẽ cân nhắc khởi nghiệp, 88% sẵn sàng chấp nhận rủi ro, thất bại khi khởi nghiệp so với trung bình thế giới ở mức 47%.

“Báo cáo Việt Nam 2035: Hướng tới Thịnh vượng, Sáng tạo, Công bằng và Dân chủ” do Bộ Kế hoạch và Đầu tư cùng với Ngân hàng Thế giới công bố ngày 23/02/2016 tại Hà Nội xác định “khát vọng chung của Việt Nam”, sau 90 năm giành lại nền độc lập dân tộc, gồm: (1) Một xã hội thịnh vượng, có thu nhập ở mức trung bình cao của thế giới. Tiềm lực và vị thế của quốc gia được nâng cao. Nền kinh tế thị trường được dẫn dắt bởi khu vực tư nhân, có năng lực cạnh tranh cao và hội nhập sâu vào nền kinh tế toàn cầu. Các ngành kinh tế hiện đại và kinh tế tri thức được phát triển trong mạng lưới các đô thị hiện đại kết nối tốt và hiệu quả sẽ thúc đẩy tăng trưởng.

(2) Một xã hội hiện đại, sáng tạo và dân chủ với vai trò làm động lực thúc đẩy phát triển trong tương lai. Trọng tâm là hình thành một môi trường mở và tự do để khuyến khích mọi công dân học hỏi và sáng tạo. Mọi người dân được đảm bảo bình đẳng về cơ hội phát triển và được tự do theo đuổi nghề nghiệp, đồng thời phải hoàn thành trách nhiệm của mình mà không coi nhẹ lợi ích của dân tộc và cộng đồng.

(3) Một nhà nước pháp quyền hiệu quả và đảm bảo trách nhiệm giải trình. Mối quan hệ giữa nhà nước với người dân và giữa nhà nước với thị trường được làm rõ. Nhà nước sẽ thực hiện các chức năng cơ bản của mình một cách hiệu quả, trong đó bao gồm xây dựng và thực thi pháp luật, xử lý quan hệ quốc tế, đảm bảo trật tự công cộng và an ninh quốc gia, đảm bảo thị trường vận hành tự do đồng thời giải quyết được các thất bại thị trường. Nhà nước thiết lập các thể chế xã hội vững mạnh nhằm đảm bảo quyền lực thuộc về nhân dân, tăng cường trách nhiệm giải trình.

(4) Một Quốc hội bao gồm các đại biểu với trình độ chuyên môn cao và có khả năng tự chủ về thể chế để đại diện cho nhân dân, thực hiện giám sát về hành pháp; phê chuẩn và ban hành các bộ luật có chất lượng. Tương tự như vậy, tư pháp sẽ có một vị trí phù hợp, với quyền tự chủ và năng lực mạnh mẽ để giải quyết các tranh chấp trong một xã hội và một nền kinh tế đa dạng hơn. Bộ máy hành pháp sẽ được tổ chức tốt theo chiều dọc và chiều ngang với các chức năng rõ ràng từ Trung ương đến địa phương.

(5) Một xã hội văn minh, trong đó mỗi người dân và mỗi tổ chức chính trị xã hội (toàn bộ hệ thống chính trị) được bình đẳng trước pháp luật. Nền tảng của xã hội đó là một xã hội có tổ chức xã hội của người dân vững mạnh và đa dạng có thể thực hiện các quyền cơ bản, trong đó có quyền dân chủ trực tiếp của người dân, quyền tiếp cận thông tin và lập hội.

(6) Một thành viên có trách nhiệm trong cộng đồng các quốc gia trên toàn cầu, tham gia xây dựng các liên minh toàn cầu và hoàn thành các trách nhiệm toàn cầu, hướng tới hòa bình, an ninh và chủ động tìm kiếm các cơ hội hội nhập kinh tế khu vực và toàn cầu.

(7) Một môi trường bền vững. Việt Nam sẽ đảm bảo chất lượng không khí, đất và nước. Việt Nam sẽ lồng ghép vấn đề hình thành khả năng chống chịu với biến đổi khí hậu vào quy hoạch kinh tế, chính sách xã hội và đầu tư hạ tầng để giảm thiểu rủi ro về biến đổi khí hậu. Việt Nam cũng sẽ phát triển các nguồn năng lượng đa dạng, sạch và an toàn.

Mục tiêu cụ thể đến năm 2035 là: GDP bình quân đầu người đạt tối

thiểu 10.000 USD (tính theo sức mua tương đương bằng đô-la Mỹ năm 2011), gần tương đương với mức của Ma-lai-xi-a năm 2010); Đa số người dân sống tại khu vực đô thị (trên 50%); Tỷ trọng công nghiệp và dịch vụ chiếm trên 90% GDP và trên 70% lao động nền kinh tế làm việc trong các ngành công nghiệp và dịch vụ; Tỷ trọng đóng góp của kinh tế tư nhân trong GDP chiếm tối thiểu 80%; Chỉ số phát triển con người đạt trên 0,7...

Để hiện thực hóa khát vọng đó, Báo cáo Việt Nam 2035 nêu lên sáu đột phá lớn cần phải thực hiện là: (i) Xây dựng thể chế hiện đại; (ii) Hiện đại hóa nền kinh tế và phát triển khu vực tư nhân trong nước có năng lực cạnh tranh cao; (iii) Phát triển năng lực đổi mới sáng tạo; (iv) Thúc đẩy hòa nhập xã hội; (v) Tăng trưởng có khả năng chống chịu với khí hậu; (vi) Chuyển dịch không gian phát triển. Sáu đột phá trên là cơ sở cho hiện thực hóa khát vọng, đồng thời cũng chính là những mục tiêu cần đạt tới vào năm 2035, bao gồm trong ba trụ cột: (i) thịnh vượng về kinh tế đi đôi với bền vững về môi trường; (ii) công bằng và hòa nhập xã hội;

(iii) năng lực và trách nhiệm giải trình của Nhà nước.

Hội nghị Trung ương 8 khóa XII đã thông qua Kết luận số 37-KL/TW về tình hình kinh tế - xã hội và ngân sách nhà nước năm 2018 và nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, ngân sách nhà nước năm 2019. Trong 9 nhóm giải pháp phải thực hiện, Kết luận đã đề cập đến giải pháp “Làm tốt hơn nữa công tác thông tin truyền thông, tạo đồng thuận xã hội, xây dựng niềm tin và khát vọng dân tộc”. Thảo luận và thông qua đề cương các văn kiện trình Đại hội XIII của Đảng, Hội nghị Trung ương 10 khóa XII đã thống nhất phương án chung về chủ đề của Đại hội XIII, gồm 5 thành tố, trong đó thành tố thứ hai là “Củng cố niềm tin của nhân dân, phát huy ý chí, khát vọng, sức mạnh tổng hợp toàn dân tộc và sức mạnh thời đại”. Đó chính là những định hướng chiến lược phát triển của đất nước trong giai đoạn mới.

4. Công tác dân vận hiện nay có vai trò rất quan trọng trong việc khơi dậy niềm tin, khát vọng phát triển của dân tộc. Tư tưởng Hồ Chí Minh về công tác dân vận đã khẳng định:

“dân vận khéo, việc gì cũng làm được. Dân vận kém không làm nổi việc gì” đã chỉ cho chúng ta vai trò hàng đầu của công tác dân vận, ngay cả trong việc khơi dậy niềm tin, khát vọng phát triển của toàn dân tộc hiện nay. Động lực niềm tin, khát vọng dân tộc chỉ có thể hình thành, củng cố và phát triển khi vận động được nhân dân tham gia.

Trước hết là thực hiện tốt những chỉ dẫn của Chủ tịch Hồ Chí Minh về “Ai làm công tác dân vận”. Đó là “tất cả cán bộ chính quyền, tất cả cán bộ đoàn thể và tất cả hội viên của các tổ chức nhân dân (Liên Việt, Việt Minh, v.v.) đều phải phụ trách dân vận”.

Hồ Chí Minh chỉ rõ lực lượng làm công tác dân vận là những ai. Đó không chỉ là những người chuyên trách công tác này, mà rất đông đảo, với nhiều tổ chức, cá nhân cùng tham gia. Đó chính là sức mạnh nói chung, trong các phong trào cách mạng nói chung, trên các mặt trận và lĩnh vực cụ thể nói riêng, trong đó có lĩnh vực dân vận.

Lực lượng làm công tác dân vận là lực lượng của cả hệ thống chính trị - trước hết là của chính quyền. Điều ấy

có nghĩa là, tất cả cán bộ chính quyền đều phải làm dân vận. Đây là đặc điểm nổi bật của công tác dân vận khi Đảng ta có chính quyền. Chính quyền của ta là công cụ chủ yếu của nhân dân. Chính quyền không những chỉ phải làm dân vận mà còn có nhiều điều kiện thuận lợi để làm công tác dân vận tốt hơn. Hơn nữa, với quyền lực nhà nước, quyền quản lý xã hội của các cơ quan chính quyền, rất dễ mắc bệnh quan liêu, mệnh lệnh, thiên về các biện pháp quản lý, coi thường công tác dân vận hay “khoán trắng” nhiệm vụ làm công tác vận động nhân dân cho các đoàn thể và cơ quan dân vận các cấp, nên càng cần phải quan tâm đến “dân vận chính quyền”...

Hai là, trong công tác dân vận cần thực hiện chỉ dạy của Chủ tịch Hồ Chí Minh trong bài báo Dân vận, khi nói dân vận phải làm gì với 6 việc, 12 từ là: “óc nghĩ, mắt trông, tai nghe, chân đi, miệng nói, tay làm”.

Óc nghĩ: Điều này được Hồ Chí Minh đặt ở vị trí hàng đầu, cho thấy người đặc biệt đề cao trí tuệ và yêu cầu về sự “động não” của người làm công tác dân vận.

Bác Hồ muốn khẳng định, công tác dân vận không chỉ là những thao tác cụ thể, những công thức có sẵn mà bản thân nó là một khoa học - khoa học về con người, một nghệ thuật - nghệ thuật tiếp cận và vận động con người, phải dày công tìm tòi suy nghĩ để phân tích chính xác tình hình nhân dân, vận dụng sáng tạo lý luận vào thực tiễn sinh động để vận động nhân dân có hiệu quả.

Mắt trông: Là quan sát mọi sự việc, hiện tượng từ thực tiễn phong trào cách mạng của quần chúng, để “trăm nghe không bằng một thấy”. Với sự nhạy cảm, tinh tế trong quan sát, kết hợp với “óc nghĩ” xác định được đúng, sai, nhận rõ bản chất và hiện tượng của từng sự việc, từng vấn đề để làm đúng, tham mưu kịp thời cho Đảng và Nhà nước để có cách giải pháp đúng đắn kịp thời đưa phong trào của quần chúng đi đúng hướng. Ở điểm này, Hồ Chí Minh muốn nhắc nhở cán bộ, đảng viên làm công tác dân vận phải thường xuyên sâu sát cơ sở. Vì chỉ có sát cơ sở mới có thể “thấy” mọi sự việc, vấn đề. Theo đó, muốn vận động quần chúng một cách thiết thực, muốn

làm tốt vai trò tham mưu phải “mục sở thị” được các sự việc và vấn đề liên quan đến công tác dân vận.

Tai nghe: Là một phương pháp khoa học của công tác dân vận, theo Hồ Chí Minh cũng với “óc nghĩ”, “mắt trông”, người làm công tác dân vận còn phải đồng thời nắm bắt kịp thời các thông tin từ quần chúng. Đòi hỏi phải biết nghe dân nói, từ đó mà hiểu được những tâm tư, nguyện vọng chính đáng của dân; loại trừ những thông tin thiếu chân thực, thiếu chính xác. Nghe dân nói, cũng là để biết dân đã hiểu gì, hiểu đến mức như thế nào, đã làm như thế nào và làm được đến đâu. Về bản thân, mình cũng thấy được những gì cần phải bổ sung, điều chỉnh khi thực hiện công tác dân vận.

Chân đi: Là yêu cầu gắn với cơ sở, một đòi hỏi bức thiết, luôn đặt ra đối với cán bộ dân vận, đây cũng là một yếu tố chống căn bệnh quan liêu, hành chính, làm việc theo kiểu giấy tờ của các cơ quan. Phải dành thời gian đi cơ sở để khảo sát tình hình thực tế, lắng nghe ý kiến của dân và trực tiếp tháo gỡ những khó khăn nảy sinh trong dân. Xuống với dân

phải thực chất, chống bệnh hình thức, “cờ rong, trống mớ” xe đưa xe đón.. Phải nghiêm túc chống bệnh tô vẽ, thổi phồng mắc bệnh thành tích...

Miệng nói: Là thực hiện nhiệm vụ tuyên truyền, nhất là tuyên truyền miệng, một hình thức tuyên truyền không thể thiếu của người làm công tác dân vận. Phải thường xuyên quan tâm và thực hiện tốt trách nhiệm tuyên truyền, cổ động nhân dân thực hiện các nhiệm vụ chính trị, kinh tế, pháp luật, văn hóa, xã hội và an ninh quốc phòng... Tuyên truyền miệng phải đúng và phải khéo, nói với với dân phải đơn giản, rõ ràng, thiết thực và cụ thể, tránh mệnh lệnh, phù hợp với từng lứa tuổi và hoàn cảnh. Đối với người già, các bậc lão thành phải cung kính, lễ độ, với đồng chí, đồng bào phải đúng mực, nghiêm trang, với nhi đồng phải thương yêu, quý mến...

Tay làm: Là thể hiện quan niệm học đi đôi với hành, là gương mẫu, làm gương trước cho quần chúng. Nếu nói là để dân nghe, thì làm là để dân thấy, dân tin, dân học, dân làm theo. Lời nói đi đôi với việc làm là một yêu cầu, một phương pháp

hết sức quan trọng đối với cán bộ nói chung, cán bộ làm công tác dân vận nói riêng. Sinh thời, Hồ Chí Minh đặc biệt quan tâm đến hai mặt của một vấn đề này. Người từng có hàng loạt bài viết, bài nói phê phán những cán bộ, đảng viên “nói không đi đôi với làm”, “nói hay mà làm dở” hoặc “đánh trống bỏ dùi”. Người chỉ rõ “cán bộ, đảng viên phải gương mẫu, phải thiết thực, miệng nói, tay làm để làm gương cho nhân dân. Nói hay mà không làm thì nói vô ích”.

Như vậy: “Mắt trông, tai nghe, chân đi” là yêu cầu sát cơ sở, sát thực tế, đến với nhân dân để lắng nghe tâm tư, nguyện vọng của nhân dân mà giúp dân giải quyết các công việc cụ thể, đề xuất chính sách hoặc điều chỉnh chính sách cho phù hợp, vận động nhân dân thực hiện các chủ trương, chính sách; “Miệng nói, tay làm” là phong cách quan trọng nhất hiện nay để “thật thà nhúng tay vào việc”, khắc phục “bệnh nói suông, chỉ ngồi viết mệnh lệnh”... “Ôc nghĩ, mắt trông, tai nghe, chân đi, miệng nói, tay làm” là có sự thống nhất, hòa quyện chặt chẽ với nhau, bổ sung cho

nhau. Đó là “cầm nang” về phương pháp dân vận cho tất cả cán bộ, đảng viên trong công tác dân vận, được thực hiện trong tất cả các cấp các ngành, phù hợp với điều kiện và công việc cụ thể của mình.

Ba là, cần phát huy tốt nhất vai trò và nâng cao trách nhiệm của cấp ủy và Ban Dân vận cấp ủy các cấp. Công tác dân vận là nhiệm vụ của toàn hệ thống chính trị, phải đặt dưới sự lãnh đạo của cấp ủy đảng. Cấp ủy, ban thường vụ và trực tiếp là bí thư cấp ủy có nhận thức đúng về vai trò của công tác dân vận, quan tâm đúng mức lãnh đạo phụ trách, không khoán trắng cho Ban Dân vận và đồng chí cấp ủy phụ trách dân vận..., mới đảm bảo để tạo chuyển biến tích cực trong toàn bộ hệ thống chính trị tham gia công tác dân vận. Về phía Ban Dân vận, trước hết cần nhận thức rõ và làm tốt trách nhiệm tham mưu, giúp cấp ủy trong công tác dân vận, tăng cường công tác kiểm tra, giúp đỡ về chuyên môn, nghiệp vụ cho các cơ quan trong hệ thống chính trị, nhất là dân vận chính quyền, là vai trò và nhiệm vụ chủ yếu của các cơ quan dân vận ■

SUY NGHĨ VỀ CHỨC NĂNG QUẢN LÝ KINH TẾ CỦA NHÀ NƯỚC

● THS NGUYỄN HỒNG SƠN



Cơ cấu lại, đổi mới để nâng cao hiệu quả doanh nghiệp nhà nước _ Ảnh: TL

1. Quan niệm về chức năng và chức năng quản lý kinh tế của nhà nước

Chức năng là mặt hoạt động chủ yếu của một cơ quan, tổ chức. Nếu không xác định rõ chức năng chủ yếu, cơ quan, tổ chức đó sẽ không cụ thể được các nhiệm vụ nội tại và do đó khó có thể bảo đảm được chất lượng, hiệu quả hoạt động của mình.

Chức năng của nhà nước là đối tượng nghiên cứu của ngành khoa học xã hội như luật học, triết học, kinh tế học, chính trị học, xã hội học,... được hiểu chung là các mặt hoạt động của nhà nước. Tuy nhiên, tùy theo nội dung của chức năng đó, nhà nước có sự can thiệp, điều chỉnh bằng các phương thức khác nhau.

Đặc biệt, tùy thuộc vào từng giai đoạn lịch sử, từng hình thức nhà nước mà nhà nước ở từng quốc gia khác nhau thực hiện chức năng của mình với mô hình quản lý nhà nước khác nhau. Chức năng của nhà nước được coi là hoạt động của nhà nước, để thể hiện vai trò của nhà nước đối với xã hội¹.

Theo lý luận chung về nhà nước và pháp luật trong nền KTTT và pháp quyền, các chức năng của nhà nước thường được xem xét dưới góc độ chủ quyền và do đó được phân thành hai chức năng đối nội và đối ngoại. Chức năng đối nội gồm chức năng kinh tế, chức năng xã hội, chức năng giữ vững an ninh chính trị, bảo vệ trật tự, an toàn xã hội, bảo vệ các quyền tự do, dân chủ của công dân. Chức năng đối ngoại gồm chức năng bảo vệ đất nước, chức năng củng cố, mở rộng quan hệ hữu nghị và hợp tác với các nước theo nguyên tắc bình đẳng cùng có lợi, không can thiệp vào công việc nội bộ của nhau. Trong chức năng đối nội, chức năng kinh tế luôn là một trong những chức năng cơ bản, là phương diện hoạt động chủ yếu của nhà nước ở

lĩnh vực kinh tế và bao gồm hai mặt: mặt “tổ chức kinh tế” với vai trò là chủ sở hữu, chủ đầu tư tham gia hoạt động trong nền kinh tế như một chủ thể kinh tế lớn và mặt “quản lý kinh tế” với vai trò là bộ máy quản lý nhà nước cho kiến tạo phát triển, bộ máy quản lý hành chính nhà nước về kinh tế^{2,3}.

Với tư cách là chủ thể thực hiện quyền lực công, nhà nước nào cũng có các chức năng chính trị, chức năng xã hội, chức năng kinh tế. Quản lý nhà nước là sứ mệnh đương nhiên của nhà nước. Nhà nước quản lý mọi hoạt động, lĩnh vực của đời sống xã hội, trong đó có lĩnh vực kinh tế. *Chức năng quản lý kinh tế* là một mặt của chức năng kinh tế của nhà nước. Chức năng quản lý kinh tế gắn chặt với nhà nước, làm cho nhà nước khác với các chủ thể khác. Tuy nhiên, nhà nước ở các quốc gia khác nhau có phương thức tổ chức thực hiện quyền lực khác nhau, với chức năng quản lý kinh tế khác nhau. Mặt khác, ở mỗi quốc gia, trong từng giai đoạn phát triển khác nhau, nhà nước có thể điều chỉnh và có

phương thức thực hiện chức năng quản lý kinh tế khác nhau. Chẳng hạn, trong nền kinh tế kế hoạch hóa tập trung, nhà nước thực hiện chức năng quản lý kinh tế theo cách tập trung. Nhà nước vừa là chủ thể quản lý nhà nước về kinh tế (chủ thể kinh tế đặc biệt), vừa là chủ thể kinh tế trực tiếp tổ chức, thực hiện các hoạt động kinh tế (đầu tư, sản xuất, kinh doanh như các chủ thể kinh tế khác). Cùng với đó, sự tham gia của nhà nước vào đời sống kinh tế - xã hội và sự quản lý bằng can thiệp, điều tiết của nhà nước đối với nền kinh tế ở mức độ rất lớn. Trong thể chế kinh tế kế hoạch hóa tập trung, nhà nước thể hiện rất rõ dấu ấn của nhà nước kinh tế. Còn ở các quốc gia có nền KTTT hiện nay, nhà nước thực hiện chức năng quản lý kinh tế của mình phù hợp với các quy luật khách quan của KTTT. Nhà nước vẫn tham gia vào các mối quan hệ kinh tế, nhưng với phương thức khác và mức độ can thiệp của nhà nước vào đời sống kinh tế - xã hội cũng khác. Không ít nhà nước đã chuyển từ nhà nước kinh tế sang nhà nước thuế⁴.

Với vai trò là chủ sở hữu, nhà nước thực hiện quyền sở hữu của mình với vai trò như là một chủ thể kinh tế lớn, Trong vai trò này, bên cạnh hoạt động quản lý nền kinh tế quốc dân, nhà nước còn thông qua doanh nghiệp nhà nước để tiến hành các hoạt động đầu tư, sản xuất, kinh doanh, cũng như thực hiện các hoạt động quản trị, khai thác, sử dụng tài sản công. Các hoạt động này thể hiện ở mặt “tổ chức kinh tế” của chức năng kinh tế của nhà nước. Nghiên cứu lý luận và thực tiễn đã cho thấy, việc quản lý nhà nước đối với doanh nghiệp nhà nước hoạt động kinh doanh sao cho có hiệu quả là vấn đề rất khó khăn và phức tạp⁵.

Chức năng quản lý kinh tế của nhà nước có nhiều nét giống và khác với chức năng kinh tế của nhà nước, tới mức, có thể gây nhầm lẫn giữa hai khái niệm. Sự khác biệt nằm ở tính chất quản trị và quản lý mà mỗi chức năng vốn có. Trong đó, chức năng quản lý kinh tế thiên về tính quản lý còn chức năng kinh tế lại mang cả tính quản lý và tính quản trị.

Sự khác biệt còn thể hiện ở chỗ, chức năng kinh tế mang ý nghĩa nội hàm rộng lớn hơn chức năng quản lý kinh tế. Tức là, chức năng quản lý kinh tế là một “tập con” của chức năng kinh tế của nhà nước. Dù cả hai chức năng này đều thể hiện vai trò trên lĩnh vực kinh tế của nhà nước đối với xã hội và đều là mặt hoạt động của nhà nước trong phát triển nền KTTT.

Phân biệt được sự khác biệt giữa chức năng quản lý kinh tế và chức năng kinh tế có ý nghĩa quan trọng đối với công tác xác lập chủ thể của hoạt động quản lý kinh tế của nhà nước cũng như nội dung và phương tiện để chủ thể đó thực hiện chức năng được giao. Kết quả của sự phân tích sẽ đem lại nhiều hàm ý đáng suy ngẫm một cách nghiêm túc để lựa chọn mô hình tổ chức thể chế kinh tế trong mối tương quan với thể chế chính trị - xã hội và cũng là cơ sở xem xét, phân lập chức năng, quyền hạn của các cơ quan quản lý nhà nước trong bộ máy công quyền.

Theo một số nhà khoa học về quản lý kinh tế, nhà nước thông

qua các chức năng kinh tế và chức năng quản lý kinh tế của mình để quản lý nhà nước về kinh tế và cho rằng chức năng quản lý kinh tế của nhà nước: là hình thức biểu thị sự tác động có chủ đích của nhà nước tới các mối quan hệ kinh tế, tới các hoạt động kinh tế của các cá nhân, pháp nhân, các cộng đồng, tổ chức kinh tế, các ngành, khu vực kinh tế trong một quốc gia nhất định, nhằm hoàn thành những nhiệm vụ quản lý kinh tế đặt ra; là tập hợp các nhiệm vụ mà nhà nước phải thực hiện theo phương hướng tác động để đạt được các mục tiêu quản lý kinh tế đề ra⁶.

Nhà nước quản lý kinh tế là một xu hướng tất yếu ở bất kỳ quốc gia nào trên thế giới. Vì đất nước muốn phát triển, tất yếu phải bắt đầu từ kinh tế; phát triển kinh tế là điều kiện, mục tiêu hàng đầu để phát triển đất nước. Kinh tế phát triển theo các quy luật của KTTT. Tuy nhận thức chung hiện nay là phải có sự quản lý kinh tế của nhà nước để nền kinh tế phát triển đúng hướng, nhưng vẫn còn những tranh luận về thị trường có vai trò

tích cực đến đâu và giới hạn mức độ can thiệp, điều tiết của nhà nước chừng nào là đủ. Mọi nhà nước ra đời đều phải nắm giữ quyền lực chính trị cùng quyền lực và sức mạnh kinh tế của mình để định hướng và điều chỉnh mối quan hệ kinh tế - xã hội sao cho có hiệu quả, vì lợi ích chung của quốc gia, dân tộc. Trong thời đại hiện nay, “nhà nước nhiều hay nhà nước ít, nhà nước to hay nhà nước nhỏ” đã không còn nhiều tranh luận khoa học dưới góc độ chính trị và pháp lý. Vấn đề đặt ra là, mỗi quốc gia cần có một nhà nước thực sự mạnh, nhà nước thông minh để tận dụng được nền kinh tế tri thức, để kiến tạo, phục vụ, hành động, bảo đảm lợi ích tốt nhất cho xã hội, doanh nghiệp và người dân. Để giải quyết vấn đề đó, nhà nước triển khai thực hiện quản lý nhà nước trong mọi lĩnh vực của xã hội, nhất là quản lý nền kinh tế quốc dân.

Theo nghĩa rộng, chức năng quản lý kinh tế của nhà nước được thực hiện thông qua hoạt động của cả ba cơ quan lập pháp, hành pháp và tư pháp. Theo nghĩa hẹp, chức năng

quản lý kinh tế của nhà nước chính là chức năng quản lý nhà nước về kinh tế, được hiểu là hoạt động điều hành nền kinh tế và được thực hiện bởi cơ quan hành pháp, cơ quan quản lý hành chính nhà nước cao nhất là chính phủ.

Tiếp cận trên cơ sở các quan điểm, trường phái nghiên cứu kinh tế khác nhau như trường phái KTTT tự do, trường phái kinh tế kế hoạch hóa tập trung, trường phái kinh tế hỗn hợp và trường phái nhà nước kiến tạo phát triển cho thấy: chức năng quản lý kinh tế của nhà nước nói chung hiện nay là mặt hoạt động chủ yếu của nhà nước, thể hiện vai trò năng động của nhà nước để kiến tạo phát triển nền kinh tế, chủ động tạo lập các điều kiện cho nền KTTT phát triển theo đúng các quy luật khách quan vốn có và đáp ứng kịp thời các mục tiêu kinh tế - xã hội đặt ra; nhà nước thực hiện chức năng quản lý kinh tế của mình để tác động vào nền kinh tế khi thị trường không hiệu quả hoặc bất bình đẳng và khi các điều tiết của nhà nước giúp cải thiện được kết quả hoặc sự công bằng⁷.

2. Chức năng quản lý kinh tế của Nhà nước ta

Trong Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI, Đảng ta đã nhấn mạnh: “Đổi mới, nâng cao vai trò và hiệu lực quản lý kinh tế của Nhà nước phù hợp với yêu cầu phát triển KTTT định hướng XHCN... Phân định rõ hơn *chức năng quản lý kinh tế của Nhà nước* và chức năng của các tổ chức kinh doanh vốn và tài sản nhà nước”⁸.

Nhà nước quản lý nền kinh tế quốc dân bằng Hiến pháp, các đạo luật và các quy định dưới luật. Để đưa ra khái niệm về chức năng quản lý kinh tế của Nhà nước, cần xuất phát từ các quy định của Hiến pháp năm 2013 về vai trò, chức năng, nhiệm vụ của Nhà nước, cũng như trong mối quan hệ giữa các cơ quan thực hiện các quyền lập pháp, hành pháp và tư pháp trong bộ máy nhà nước, mà trực tiếp ở đây là Quốc hội, Chính phủ và Toà án nhân dân tối cao.

Nền kinh tế nước ta được xác định “là nền KTTT định hướng XHCN với nhiều hình thức sở hữu, nhiều thành phần kinh tế; kinh tế nhà nước giữ vai trò chủ đạo” (Điều

51 khoản 1). Trong đó, “Các thành phần kinh tế đều là bộ phận cấu thành quan trọng của nền kinh tế quốc dân. Các chủ thể thuộc các thành phần kinh tế bình đẳng, hợp tác và cạnh tranh theo pháp luật” (Điều 51, khoản 2). Theo quy định của Hiến pháp, Nhà nước có trách nhiệm trong việc “khuyến khích, tạo điều kiện để doanh nhân, doanh nghiệp và cá nhân, tổ chức khác đầu tư, sản xuất, kinh doanh; phát triển bền vững các ngành kinh tế, góp phần xây dựng đất nước” (Điều 51, Khoản 3). Việc “xây dựng và hoàn thiện thể chế kinh tế, điều tiết nền kinh tế” của Nhà nước phải được dựa trên cơ sở “tôn trọng các quy luật thị trường; thực hiện phân công, phân cấp, phân quyền trong quản lý nhà nước; thúc đẩy liên kết kinh tế vùng, bảo đảm tính thống nhất của nền kinh tế quốc dân”.

Cùng với đó, Hiến pháp cũng quy định “Nhà nước tạo bình đẳng về cơ hội để công dân thụ hưởng phúc lợi xã hội, phát triển hệ thống an sinh xã hội, có chính sách trợ giúp người cao tuổi, người khuyết tật, người nghèo và người có hoàn cảnh khó

khăn khác” (Điều 59, Khoản 2). Vấn đề về bảo vệ môi trường, tài nguyên thiên nhiên và phòng chống thiên tai, ứng phó biến đổi khí hậu cũng được đề cập trong các trách nhiệm của Nhà nước được quy định tại Điều 63⁹. Trách nhiệm của Nhà nước trong các vấn đề nêu trên chính là trách nhiệm khắc phục những khuyết tật của cơ chế thị trường khi sản xuất, kinh doanh, nhà đầu tư có xu hướng chỉ quan tâm đến lợi nhuận.

Hoàn thiện thể chế KTTT định hướng XHCN, Nhà nước cần chủ động tập trung cho kiến tạo phát triển, thông qua việc triển khai chức năng quản lý vĩ mô của mình về kinh tế, chủ yếu là: i) tạo lập khung khổ pháp luật về kinh tế, bảo đảm môi trường và điều kiện thuận lợi, phục vụ người dân, doanh nghiệp trong hoạt động đầu tư, sản xuất, kinh doanh; ii) quản lý, điều hành nền kinh tế, bảo đảm ổn định kinh tế vĩ mô và năng động giải quyết những vấn đề lớn, quan trọng về kinh tế - xã hội - môi trường, dẫn dắt và hỗ trợ những nỗ lực phát triển thông qua chiến lược, quy hoạch, kế

hoạch, chính sách, chương trình kinh tế - xã hội, bảo đảm cho đất nước phát triển nhanh, bền vững, bao trùm; iii) tăng cường thanh tra, giám sát, kiểm soát, bảo đảm các hoạt động kinh tế diễn ra trong trật tự theo quy định pháp luật.

Có thể nhận diện, chức năng vĩ mô nêu trên là chức năng quản lý kinh tế, mặt hoạt động chủ yếu của Nhà nước, để Nhà nước chủ động thực hiện vai trò quản lý nhà nước về kinh tế của mình trong mối quan hệ với thị trường và xã hội, mà cụ thể và trực tiếp là phục vụ có hiệu quả người dân, doanh nghiệp khi tiến hành hoạt động đầu tư, sản xuất, kinh doanh. Từ những phân tích nêu trên có thể hiểu, *chức năng quản lý kinh tế của Nhà nước Cộng hòa XHCN Việt Nam là những phương diện hoạt động chủ yếu của Nhà nước trong vai trò kiến tạo phát triển, chủ động tác động tới các ngành, lĩnh vực, khu vực khác nhau của nền KTTT định hướng XHCN, nhằm đạt được các mục tiêu kinh tế - xã hội đã đề ra trong từng giai đoạn phát triển đất nước.*

Với khái niệm được nêu ra một cách khái quát như trên, nội hàm của

chức năng quản lý kinh tế của Nhà nước ta chủ yếu bao gồm các nội dung: xây dựng và ban hành hệ thống pháp luật về kinh tế; triển khai thực thi pháp luật về kinh tế; xử lý các vi phạm pháp luật về kinh tế và giải quyết các xung đột, tranh chấp kinh tế; giải quyết các khuyết tật của KTTT; bảo đảm hội nhập kinh tế quốc tế, thúc đẩy kinh tế đối ngoại ■

Trần Thái Dương (2002), *Chức năng kinh tế của Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam*, Luận án tiến sĩ Luật học, Trung tâm khoa học xã hội và Nhân văn quốc gia, Viện nghiên cứu Nhà nước và pháp luật, Hà Nội, tr.31.

Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh (2018), *Giáo trình cao cấp lý luận chính trị, Nhà nước và Pháp luật Việt Nam*, NXB Lý luận chính trị, Hà Nội, tr.17-19.

Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh (2018), *Quản lý kinh tế*, Giáo trình cao cấp lý luận chính trị, NXB Lý luận chính trị, Hà Nội, tr.14.

Nguyễn Đức Minh (2009), “*Quyền tự do kinh doanh của công dân trong Nhà nước thuế*”, Tạp chí Nhà nước và Pháp luật, (9), tr.54-59.

Trần Thái Dương (2002), *Chức năng kinh tế của Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam*, Luận án tiến sĩ Luật học, Trung tâm khoa học xã hội và Nhân văn quốc gia, Viện nghiên cứu Nhà nước và pháp luật, Hà Nội, tr.103.

Trường Đại học Kinh tế quốc dân (2002), *Quản lý kinh tế* (dùng cho cao học và nghiên cứu sinh), NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr.20.

Ngân hàng thế giới và Chính phủ Australian (2019), *Vai trò của Nhà nước trong phát triển kinh tế Việt Nam - Chương trình nghị sự đề xuất nhằm xây dựng một nhà nước kiến tạo để thúc đẩy một nền kinh tế cạnh tranh và hiệu quả hơn*, tr.17.

Đảng Cộng sản Việt Nam (2011), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI*, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr.214-215.

Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (2013), *Hiến pháp năm 2013*, NXB Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội, tr.24-30.



MÔ HÌNH TỔ CHỨC HỆ THỐNG CHÍNH TRỊ Ở LÀO VÀ MỘT SỐ GỢI MỞ ĐỐI VỚI VIỆT NAM

● TS NGUYỄN MẠNH HÙNG

nguyên Đại sứ Việt Nam tại Lào

Hệ thống chính trị ở Lào hiện nay được cấu thành từ các cơ quan, tổ chức của Đảng, Nhà nước, Mặt trận Lào xây dựng đất nước, các tổ chức quần chúng, tổ chức xã hội; trong đó, Đảng NDCM Lào là nòng cốt và là hạt nhân lãnh đạo. Vai trò nòng cốt, lãnh đạo hệ thống chính trị của Đảng NDCM Lào được xác định trong Hiến pháp nước CHDCND Lào và trong các văn kiện của Đảng NDCM Lào. Điều lệ Đảng NDCM Lào¹ khẳng định: “Đảng NDCM Lào là đảng cầm quyền, là nòng cốt trong hệ thống chính trị của chế độ dân chủ nhân dân, lãnh đạo nhân dân

thực hiện hai nhiệm vụ chiến lược là bảo vệ đất nước và xây dựng chế độ dân chủ nhân dân theo mục tiêu xã hội chủ nghĩa”. Điều 3 của Hiến pháp (năm 2015) nước CHDCND Lào quy định: “Quyền làm chủ đất nước của nhân dân các dân tộc được thực hiện và đảm bảo bằng các hoạt động của hệ thống chính trị do Đảng NDCM Lào làm hạt nhân lãnh đạo”. Đồng thời, Điều 10 của Hiến pháp (năm 2015) nước CHDCND Lào cũng quy định: “Các cơ quan, tổ chức của Đảng, Nhà nước, Mặt trận Lào xây dựng đất nước, các tổ chức quần chúng, tổ chức xã hội và mọi công dân phải tôn trọng và

thực hiện nghiêm chỉnh Hiến pháp và pháp luật”.

Hệ thống chính trị ở Lào hiện nay được tổ chức và vận hành theo các nguyên tắc:

(i) “Đảng lãnh đạo và nắm quyền theo pháp luật; Nhà nước quản lý xã hội bằng pháp luật; người dân làm chủ và bình đẳng trước pháp luật”²;

(ii) “Đảng lãnh đạo, nhưng không làm thay và tôn trọng các quy định pháp luật trong hoạt động của các cơ quan nhà nước, cũng như nguyên tắc hoạt động dân chủ của Mặt trận Lào xây dựng đất nước và các đoàn thể quần chúng”;

(iii) “Các tổ chức đảng tại các cơ quan nhà nước, Mặt trận Lào xây dựng đất nước, các đoàn thể quần chúng và tổ chức xã hội phải lãnh đạo việc cụ thể hóa đường lối, chủ trương, nghị quyết của Đảng thành luật pháp, kế hoạch, chương trình hoạt động của cơ quan, tổ chức mình; phải chấp hành nghiêm nghị

quyết, chỉ thị của Đảng và chịu trách nhiệm chỉ đạo tổ chức thực hiện”;

(iv) “Đảng theo dõi, kiểm tra hoạt động của các cơ quan nhà nước, Mặt trận Lào xây dựng đất nước, các đoàn thể quần chúng và tổ chức xã hội trong việc thực hiện đường lối, Điều lệ Đảng, pháp luật của Nhà nước, phát hiện những bài học kinh nghiệm tốt để phát huy mặt tích cực,

Đảng lãnh đạo và nắm quyền theo pháp luật; Nhà nước quản lý xã hội bằng pháp luật; người dân làm chủ và bình đẳng trước pháp luật.

kip thời sửa chữa khuyết điểm và các hiện tượng tiêu cực, góp phần xây dựng và củng cố đường lối, chủ trương của Đảng ngày càng tốt hơn”;

(v) “Đảng bồi dưỡng, đào tạo, quản lý và giáo dục đội ngũ cán bộ; lựa chọn cán bộ đủ tiêu chuẩn, đủ điều kiện ra ứng cử hoặc bổ nhiệm vào bộ máy lãnh đạo Nhà nước, Mặt trận Lào xây dựng đất nước, các đoàn thể quần chúng và tổ chức xã hội”;

(vi) “Đảng tổ chức, lãnh đạo trực tiếp, toàn diện Đoàn Thanh niên NDCM Lào về phương hướng, nhiệm vụ, tư tưởng, tổ chức và công tác cán bộ”;

(vii) “Đảng lãnh đạo tuyệt đối, trực tiếp và toàn diện lực lượng quốc phòng - an ninh nhân dân”.

Nhìn các thành tố cấu thành và các nguyên tắc tổ chức, vận hành của hệ thống chính trị ở Lào, có thể thấy hệ thống chính trị ở hai nước Lào và Việt Nam có nhiều điểm tương đồng. Ở cả hai nước đều chỉ có một chính đảng duy nhất cầm quyền và là hạt nhân lãnh đạo hệ thống chính trị; đều có Mặt trận, các đoàn thể quần chúng (Công đoàn, Thanh niên, Phụ nữ, Cựu chiến binh) và các tổ chức xã hội; đều tổ chức Nhà nước pháp quyền³ với Quốc hội là cơ quan quyền lực nhà nước cao nhất do nhân dân trực tiếp bầu ra, với Chủ tịch nước, Chính phủ, Viện Kiểm sát Nhân dân, Toà án, Kiểm toán Nhà nước do Quốc hội bầu ra; đều tổ chức hệ thống chính quyền 04 cấp theo đơn vị hành chính (Trung ương - Tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương - Huyện - Xã/Phường⁴)... Trong tổ chức bộ máy nhà nước, Việt Nam và Lào đều không chấp nhận nguyên tắc “tam quyền phân lập”; đều thực hiện nguyên tắc “quyền lực nhà nước là thống nhất, có sự phân

công, phân nhiệm giữa lập pháp, hành pháp và tư pháp”.

Bên cạnh đó, cách thức tổ chức, vận hành hệ thống chính trị ở Lào cũng có nhiều điểm khác với Việt Nam. Sự khác biệt này là đương nhiên bởi hoàn cảnh của mỗi nước khác nhau. Nghiên cứu mô hình tổ chức hệ thống chính trị ở Lào gợi mở cho chúng ta nhiều kinh nghiệm bổ ích để tiếp tục hoàn thiện hệ thống chính trị Việt Nam.

Dưới đây, xin đi sâu phân tích một số gợi mở đối với Việt Nam từ mô hình tổ chức hệ thống chính trị ở Lào hiện nay.

1. Đảng NDCM Lào không tổ chức các đảng bộ khối, cả ở Trung ương, cả ở địa phương; không có các ban cán sự đảng, đảng đoàn ở các bộ, ngành, tổ chức

Trực thuộc Trung ương có các đảng bộ cấp tỉnh, thành, cấp bộ, ngành Trung ương, cấp Cơ quan Trung ương của Quốc hội, Mặt trận Lào xây dựng đất nước và các đoàn thể quần chúng.

Tổ chức đảng của các đầu mối trực thuộc bộ, ngành thì sinh hoạt tại đảng bộ bộ, ngành. Tổ chức đảng của

các đơn vị sự nghiệp, các doanh nghiệp có trụ sở đặt tại tỉnh, thành nào thì sinh hoạt tại đảng bộ tỉnh, thành đó. Các tổ chức đảng ở ngoài nước sinh hoạt tại Đảng bộ Bộ Ngoại giao. Các đại biểu Quốc hội chuyên trách ở Trung ương thì sinh hoạt tại Đảng bộ Văn phòng Quốc hội; các đại biểu Quốc hội chuyên trách ở địa phương thì sinh hoạt tại các Đảng bộ tỉnh, thành...

Trong mô hình tổ chức của Đảng NDCM Lào, các cấp Ủy Đảng là cơ quan lãnh đạo toàn diện đối với địa phương, cơ quan, tổ chức, đơn vị mình; chịu trách nhiệm trước đại hội cấp mình và cấp Ủy cấp trên. Như vậy, nhiệm vụ và trách nhiệm của việc lãnh đạo được xác định cụ thể, rõ ràng và “đường đi” của việc lãnh đạo là trực tiếp, không phải qua những “nút trung gian” như Đảng Ủy khối hay ban cán sự đảng, đảng đoàn.

2. Lào thực hiện “nhất thể hoá” các chức danh lãnh đạo, quản lý

Từ Đại hội VI (tháng 3/1996), Đảng NDCM Lào thực hiện “nhất thể hoá” chức danh lãnh đạo Đảng và Nhà nước, các bộ, ngành và địa phương. Cụ thể:

- Tổng Bí thư đồng thời là Chủ tịch nước;

- Thường trực Ban Bí thư đồng thời là Phó Chủ tịch nước;

- Trưởng các Ban Đảng ở Trung ương đồng thời là Bí thư Đảng Ủy cơ quan;

- Bộ trưởng đồng thời là Bí thư Đảng Ủy Bộ;

- Bí thư Tỉnh, thành Ủy đồng thời là tỉnh trưởng/đô trưởng;

- Bí thư huyện Ủy đồng thời là huyện trưởng;

- Bí thư đảng Ủy bản đồng thời là trưởng bản;

- Người đứng đầu các tổ chức, cơ quan, đơn vị đồng thời là bí thư đảng Ủy của tổ chức, cơ quan, đơn vị...

Thông thường, đại hội đảng bộ các cấp và Đại hội đại biểu toàn quốc của Đảng NDCM Lào được tiến hành trước bầu cử Quốc hội và Hội đồng nhân dân cấp tỉnh, thành. Do vậy, nếu người cán bộ không được bầu làm bí thư cấp uỷ, thì cũng sẽ không được giới thiệu để bầu, bổ nhiệm vào các chức danh lãnh đạo nhà nước và các cơ quan đơn vị. Sự tín nhiệm trong đảng bộ thực sự là yếu tố quan

trọng đối với cán bộ lãnh đạo, quản lý các cấp.

Riêng về “nhất thể hoá” chức danh Thường trực Ban Bí thư và chức danh Phó Chủ tịch nước, cách làm của Lào rất đáng quan tâm. Điều lệ Đảng NDCM Lào quy định: Thường trực Ban Bí thư do Ban Chấp hành Trung ương bầu ra trong số các Ủy viên Bộ Chính trị; việc bầu Thường trực Ban Bí thư tiến hành ngay tại Hội nghị Trung ương lần thứ nhất, sau khi Ban Chấp hành Trung ương đã bầu ra Bộ Chính trị, Tổng Bí thư và Ban Bí thư; trường hợp Tổng Bí thư không có mặt thì giao cho Thường trực Ban Bí thư thay mặt giải quyết các công việc mang tính chất thường nhật của Đảng⁵. Quy định này tạo sự thống nhất giữa Điều lệ Đảng và Hiến pháp, cho phép Thường trực Ban Bí thư - Phó Chủ tịch nước có thể đảm nhiệm chức trách của Tổng Bí thư - Chủ tịch nước trong những hoàn cảnh cần thiết.

Việc “nhất thể hoá” các chức danh lãnh đạo Đảng và Nhà nước, Mặt trận, đoàn thể quần chúng của Lào tạo thuận lợi cho Đảng NDCM Lào “nắm quyền” một cách trực tiếp;

người đứng đầu là người có uy tín cao; có sự gắn kết giữa nội tại giữa bí thư cấp Ủy và người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị; người đứng đầu có đủ uy tín, thẩm quyền để thực hiện các chức trách, nhiệm vụ được giao và hoàn toàn chịu trách nhiệm cá nhân về công việc; tránh được tình trạng đùn đẩy trách nhiệm... Tuy nhiên, do hoạt động của cấp Ủy đảng phải tuân theo nguyên tắc tập trung dân chủ, còn hoạt động của cơ quan, đơn vị lại tuân theo chế độ thủ trưởng phù hợp với các quy định pháp luật, cho nên việc “nhất thể hoá” các chức danh lãnh đạo bên đảng và bên chính quyền có thể dẫn đến 03 hệ lụy xấu: (i) Cấp Ủy đảng bao biện, làm thay chính quyền, khi trong cùng một con người cán bộ lãnh đạo, quản lý mà “vai” bí thư cấp Ủy lẫn át “vai” người đứng đầu cơ quan, đơn vị; (ii) Cấp Ủy đảng buông lỏng, thậm chí mất vai trò lãnh đạo, khi “vai” người đứng đầu cơ quan, đơn vị lẫn át “vai” bí thư cấp ủy; (iii) Người lãnh đạo trở nên chuyên quyền, độc đoán, khi vi phạm các nguyên tắc sinh hoạt đảng và các

quy định về quản lý, điều hành của Nhà nước, còn cấp Ủy và tổ chức đảng mất sức chiến đấu. Trên thực tế ở Lào, nơi này, nơi khác, lúc này, lúc khác, cũng đã có những biểu hiện của cả 03 hệ lụy này. Song, những hệ lụy này đều có thể ngăn chặn và loại bỏ. Mấu chốt là ở chỗ: (i) Phải nâng cao và phát huy sức chiến đấu của các cấp Ủy và tổ chức Đảng; (ii) Phải lựa chọn đúng người đưa vào vị trí lãnh đạo và sẵn sàng thay thế kịp thời khi có vi phạm⁶; (iii) Phải phát huy vai trò kiểm tra, giám sát của Đảng, của các tổ chức trong hệ thống chính trị và quần chúng đối với người lãnh đạo...

3. Nâng cao tính độc lập và chất lượng, hiệu quả hoạt động của Quốc hội

Quốc hội Lào khoá VIII (2016-2021) hiện có 01 Chủ tịch, 04 Phó Chủ tịch, 09 Ủy ban⁷ và 03 cơ quan trực thuộc⁸. Ủy ban Thường vụ Quốc hội có 14 thành viên, gồm Chủ tịch Quốc hội, các Phó Chủ tịch Quốc hội và các Chủ nhiệm của 09 Ủy ban của Quốc hội, trong đó có 01 Ủy viên Bộ Chính trị (CTQH Pa-ny Da-tho-tu), 01 Bí thư Trung ương Đảng (Phó CTQH Sêng-nuôn

Xay-nha-lạt), 05 Ủy viên Trung ương Đảng (Phó CTQH Xôm-phần Pheng-khăm-mi; Phó CTQH Si-xảy Lư-đệt-mun-xôn; Phó CTQH Bun-pon Bút-ta-na-vông; CN Ủy ban KH-TC-TTr Vy-lay-vông Bút-đa-khăm; CN Ủy ban Đối ngoại Êch-xạ-vàng Vòng-vi-chít) và 01 Ủy viên dự khuyết Trung ương Đảng (Trưởng Ban Thư ký QH, CN VPQH Xuôn-xa-vản Vi-nha-kệt).

Đại hội X Đảng NDCM Lào chủ trương “nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của Quốc hội trong việc tổ chức thực hiện các chức năng của mình, nhất là đảm bảo việc xây dựng và sửa đổi pháp luật đúng và phù hợp với đường lối của Đảng, xuất phát từ nhân dân, thực sự phục vụ lợi ích của nhân dân, phù hợp và có khả năng hội nhập quốc tế, kiểm tra giám sát một cách có trọng điểm và thúc đẩy giải quyết các kết quả của việc giám sát kiểm tra một cách nghiêm túc và có hiệu lực”. Thực hiện chủ trương này, Quốc hội khoá VIII của Lào đã chuyển khá mạnh về cơ cấu Đại biểu Quốc hội, duy trì tỷ lệ Đại biểu Quốc hội chuyên trách ở mức cao. Đầu nhiệm kỳ, trong tổng

số 149 Đại biểu Quốc hội khoá VIII của Lào, có 92 Đại biểu chuyên trách (chiếm tỷ lệ 61,7%). Đến giữa nhiệm kỳ, số Đại biểu chuyên trách đã tăng lên 102 người (chiếm tỷ lệ 68,5%)⁹.

Bên cạnh đó, điểm rất đáng chú ý là quy định của Ban Chấp hành Trung ương Đảng NDCM Lào về việc giới thiệu các đồng chí lãnh đạo từ cấp Ủy viên dự khuyết Trung ương Đảng trở lên ra ứng cử để bầu làm đại biểu Quốc hội Lào; theo đó: trong số các đồng chí Ủy viên Trung ương Đảng và Ủy viên dự khuyết Trung ương Đảng, chỉ giới thiệu những người sẽ làm đại biểu Quốc hội chuyên trách và các đồng chí là lãnh đạo Mặt trận và các đoàn thể (Công đoàn, Hội Phụ nữ và Đoàn Thanh niên); các đồng chí Lãnh đạo Đảng, Nhà nước và Chính phủ, các đồng chí bộ trưởng, trưởng ban/ngành Trung ương, Viện trưởng Viện Kiểm sát Nhân dân tối cao, Chánh án Toà án Nhân dân tối cao, tỉnh trưởng, đô trưởng không tham gia ứng cử Đại biểu Quốc hội. Trên thực tế, hiện chỉ có 02/11 Ủy viên Bộ Chính trị là Đại biểu Quốc hội (CTQH Pa-ny Da-tho-tu và CT Mặt trận Xa-xôm-

phon Phôm-vi-hản); 01/09 Bí thư Trung ương Đảng là đại biểu Quốc hội (Phó CTQH Sêng-nuôn Xay-nha-lạt). Giải thích về quy định này, các đồng chí Lãnh đạo Lào cho rằng: (i) Công việc và trách nhiệm lãnh đạo, chỉ đạo, quản lý của các đồng chí Lãnh đạo Đảng, Nhà nước, Chính phủ, các đồng chí bộ trưởng, trưởng ban/ngành ở Trung ương, các đồng chí tỉnh trưởng, đô trưởng là rất nặng; công việc và trách nhiệm của đại biểu Quốc hội cũng rất nặng; một người khó có thể làm tốt được cả hai việc này với quỹ thời gian có hạn; (ii) Việc giới thiệu các đồng chí Lãnh đạo Đảng, Nhà nước, Chính phủ, các đồng chí bộ trưởng, trưởng ban/ ngành ở Trung ương, các đồng chí tỉnh trưởng, đô trưởng ra ứng cử đại biểu Quốc hội tiềm ẩn khả năng thất cử hoặc trúng cử với số phiếu thấp; nếu tình huống đó xảy ra sẽ ảnh hưởng rất phức tạp đến uy tín của các đồng chí đó, cũng như uy tín của Đảng; (iii) Việc không giới thiệu các đồng chí Lãnh đạo Đảng, Nhà nước, Chính phủ, các đồng chí bộ trưởng, trưởng ban/ngành ở Trung ương, các đồng chí tỉnh trưởng, đô

trường ra ứng cử Đại biểu Quốc hội còn giúp tăng cường tính độc lập và nâng cao chất lượng hoạt động của Quốc hội; Đảng bộ Văn phòng Quốc hội có trách nhiệm lãnh đạo các đại biểu Quốc hội thực hiện các nghị quyết của Đảng, cụ thể hóa thành pháp luật...

Cách làm của Lào về nâng cao tính độc lập, chất lượng và hiệu quả hoạt động của Quốc hội gợi mở cho Việt Nam nhiều điều đáng đi sâu nghiên cứu.

4. Lào mới chỉ tổ chức Hội đồng nhân dân cấp tỉnh, thành; không tổ chức Hội đồng nhân dân ở cấp huyện và bản

Trước đây, ở cấp địa phương, Lào không tổ chức các cơ quan dân cử; chỉ có Đoàn đại biểu Quốc hội của các tỉnh, thành. Tuy nhiên, thực tiễn cho thấy Đoàn đại biểu Quốc hội của các tỉnh, thành lại không thể xử lý các vấn đề nảy sinh ở địa phương, trừ những vấn đề có thể đưa ra diễn đàn Quốc hội. Do vậy, khi tiến hành sửa đổi Hiến pháp và thông qua Hiến pháp mới vào năm 2015, Lào đã quyết định thành lập Hội đồng Nhân dân cấp tỉnh, thành là cơ quan đại diện cho quyền và lợi ích của nhân

dân các dân tộc tại địa phương; không tổ chức Hội đồng nhân dân cấp huyện, bản. Tháng 3/2016, Lào đã tiến hành bầu cử Quốc hội khoá VIII và bầu cử Hội đồng nhân dân các tỉnh, thành.

5. Lào thực hiện “nhất thể hoá” Ban Kiểm tra Trung ương của Đảng và Thanh tra Chính phủ; lập bộ phận chuyên trách điều tra án tham nhũng

Lào đã thực hiện “nhất thể hoá” Ban Kiểm tra Trung ương của Đảng và Thanh tra Chính phủ. Hai cơ quan này sinh hoạt chung trong một đảng bộ. Trưởng Ban Kiểm tra Trung ương đồng thời là Tổng Thanh tra Chính phủ. Cơ quan kiểm tra của các cấp Ủy đảng cũng “nhất thể hoá” với cơ quan thanh tra cùng cấp. Đồng thời, Lào cũng đã thành lập bộ phận chuyên trách điều tra án tham nhũng, gọi là “Ban Chuyên trách giải quyết án tham nhũng” đặt tại Thanh tra Chính phủ và do một Phó Tổng Thanh tra Chính phủ đứng đầu; hoạt động của Ban chuyên trách này do Ban Chống tham nhũng Trung ương¹⁰ chỉ đạo.

Việc “nhất thể hoá” cơ quan Kiểm tra của Đảng và cơ quan Thanh tra

Chính phủ theo mô hình “một nhà hai cửa” cho phép xem xét, xử lý các vụ việc được kiểm tra, thanh tra một cách đồng bộ, cùng một lúc, cả từ góc độ kỷ luật của Đảng, cả từ góc độ các quy định pháp luật của Nhà nước; khắc phục được “độ trễ” và sự “vênh nhau” giữa kênh Đảng và kênh Nhà nước.

Đối với các vụ tham nhũng, Ban Chống tham nhũng Trung ương của Đảng NDCM Lào chủ trì tổ chức điều tra thông qua Ban Chuyên trách giải quyết án tham nhũng. Toàn bộ tiến trình và kết quả điều tra án tham nhũng được Ban Chuyên trách báo cáo với Trưởng Ban chống tham nhũng Trung ương; Trưởng Ban chống tham nhũng Trung ương có trách nhiệm báo cáo xin ý kiến Bộ Chính trị. Trường hợp cần khởi tố, truy tố, thì Ban Chuyên trách sẽ chuyển hồ sơ cho các cơ quan bảo vệ pháp luật để khởi tố, truy tố và xét xử theo luật định. Cơ chế này giúp cho Ban chống tham nhũng Trung ương có thực quyền và thực lực để triển khai công tác, đảm bảo sự gắn kết giữa “nói” và “làm”, cho phép tiến tới “nói đi đôi với làm”, “làm nhiều nói ít”, “làm mà không cần nói”...

5. Thành lập Ủy ban Quốc phòng-An ninh Trung ương hoặc Hội đồng An ninh quốc gia

Đảng NDCM Lào có Ủy ban Quốc phòng - An ninh Trung ương do Ban Chấp hành Trung ương Đảng ra quyết định thành lập; chịu sự lãnh đạo, chỉ đạo của Ban Chấp hành Trung ương Đảng mà trực tiếp và thường xuyên là Bộ Chính trị - Ban Bí thư. Đồng chí Tổng Bí thư làm Chủ tịch Ủy ban này và có một số Ủy viên Bộ Chính trị, Bí thư Trung ương và Ủy viên Trung ương Đảng có liên quan làm Ủy viên (hiện là các đồng chí: Thủ tướng; Thường trực Ban Bí thư; Chánh Văn phòng Trung ương; Bộ trưởng Quốc phòng; Bộ trưởng An ninh; Bộ trưởng Ngoại giao).

Ủy ban Quốc phòng - An ninh Trung ương của Đảng NDCM Lào có nhiệm vụ nghiên cứu đề xuất để Ban Chấp hành Trung ương Đảng quyết định các vấn đề chiến lược trong công tác quốc phòng - an ninh; chỉ đạo mọi mặt trong lực lượng vũ trang. Ủy ban Quốc phòng - An ninh Trung ương có bộ máy chuyên trách là Văn phòng Ủy ban.

Trong khi có Đảng Ủy Bộ Quốc

phòng, Đảng Ủy Bộ An ninh, Đảng Ủy Bộ Ngoại giao là 03 cấp Ủy trực tiếp lãnh đạo các mặt công tác của 03 bộ này, thì Ủy ban Quốc phòng - An ninh Trung ương chính là người lãnh đạo, chỉ đạo sự phối hợp công tác giữa 03 bộ quan trọng này và với tất cả các bộ, ngành, địa phương nhằm đảm bảo vững chắc quốc phòng và an ninh quốc gia.

6. Đưa vào Điều lệ Đảng những điều cấm đối với đảng viên

Trong Điều lệ của Đảng NDCM Lào có Điều 6, quy định 09 điều cấm đối với Đảng viên; cụ thể là:

(i) Cấm bày tỏ các quan điểm và có hành vi vi phạm và trái với đường lối, nghị quyết, chỉ thị, Điều lệ Đảng, Hiến pháp, pháp luật của Nhà nước; nghiêm cấm việc tuyên truyền thông tin mật của Nhà nước, của Đảng và của đơn vị khi chưa được tổ chức cho phép.

(ii) Cấm tổ chức, hoạt động và tham gia biểu tình hoặc sử dụng trang mạng xã hội chống tổ chức Đảng, Nhà nước; tạo phe cánh, chia rẽ đoàn kết nội bộ, đoàn kết các dân tộc.

(iii) Cấm lợi dụng quyền hạn, chức vụ, nhiệm vụ hoặc dựa vào danh

tiếng của người khác để mưu cầu lợi ích cho cá nhân, gia đình, người thân và cá nhân khác.

(iv) Cấm quản lý, sử dụng tài sản của nhà nước và tập thể vì mục đích cá nhân trái Điều lệ Đảng và pháp luật của Nhà nước.

(v) Cấm hối lộ, nhận hối lộ, đòi, xin chia phần và các hành vi tham nhũng trực tiếp hoặc gián tiếp được quy định tại Luật chống tham nhũng.

(vi) Cấm đảng viên có chức quyền trong tổ chức Đảng, Nhà nước, Mặt trận Lào xây dựng đất nước, tổ chức quần chúng, doanh nghiệp Nhà nước để vợ hoặc chồng, con hoặc người thân giữ nhiệm vụ trong các công tác tổ chức-cán bộ, công tác thanh tra, thư ký, kế toán, thủ quỹ, thủ kho hoặc là người mua, thuê trong tổ chức mà mình chịu trách nhiệm.

(vii) Cấm đảng viên là cán bộ, công chức, bộ đội, công an đương chức tham gia hoạt động kinh doanh với tư cách là chủ, thành viên Ban Giám đốc, nhà tư vấn và nhà điều hành của đơn vị kinh doanh nào đó, trừ trường hợp được cho phép.

(viii) Cấm trả thù, đe dọa những người tố cáo, người cung cấp thông

tin, người chất vấn và người đề nghị báo cáo thông tin về những mặt tiêu cực của mình cho tổ chức.

(ix) Cấm có những hành vi vi phạm phong tục tập quán và văn hóa tốt đẹp của dân tộc, đánh bạc, ăn chơi lãng phí, hoạt động mê tín dị đoan và lợi dụng tôn giáo để hoạt động trái với quy định pháp luật.

Như vậy, bên cạnh các quy định của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư và các cấp Ủy Đảng về những điều đảng viên không được làm, việc đưa vào Điều lệ Đảng quy định về những điều cấm đối với Đảng viên là việc làm có ý nghĩa rất lớn. Khi đảng viên vi phạm những điều cấm này, thì có nghĩa là đã vi phạm Điều lệ Đảng, chứ không còn là vi phạm những quy định của cấp Ủy Đảng các cấp; tính răn đe cao hơn hẳn. Việc này là rất cần thiết trong nâng cao chất lượng đội ngũ đảng viên, đẩy mạnh đấu tranh chống tham nhũng...

7. Trong quản lý nhà nước, Lào sáp nhập lĩnh vực thể thao với giáo dục; xây dựng với giao thông.

Lào hiện có Bộ Giáo dục và Thể thao, Bộ Giao thông và Công chính.

Hạt nhân hợp lý của sự sáp nhập thể thao với giáo dục, xây dựng với giao thông là ở chỗ:

(i) Giáo dục và thể thao đi liền với nhau trong toàn bộ quá trình phát triển con người từ bậc mẫu giáo đến đại học cả về trí lực, kỹ năng, cả về thể lực. Sáp nhập thể thao với giáo dục trong quản lý Nhà nước là nhấn mạnh yêu cầu phát triển thể thao học đường; còn để thể thao và giáo dục trong 02 Bộ khác nhau, thì chỉ quan tâm đến thể thao thành tích cao. Riêng về phát triển thể thao, thì rõ ràng là thể thao học đường phát triển sẽ tạo nền móng vững chắc cho thể thao thành tích cao. Từ nền móng thể thao học đường, các liên đoàn thể thao thành tích cao có được “nguồn cung” vận động viên tiềm năng để đào tạo chuyên sâu thành vận động viên thành tích cao.

(ii) Trong phát triển “giao thông” có rất nhiều nội dung liên quan đến “xây dựng”; đồng thời việc phát triển “xây dựng” lại không thể thoát ly mạng lưới, quy hoạch “giao thông”. Sự gắn bó hữu cơ giữa 02 lĩnh vực giao thông và xây dựng đòi hỏi phải có sự quản lý liên thông,

thống nhất của Nhà nước trong một cơ quan cấp bộ.

Trên đây là một số gợi mở rút ra từ mô hình tổ chức hệ thống chính trị

ở Lào hiện nay, có thể bổ ích cho việc tiếp tục hoàn thiện, nâng cao hiệu quả hoạt động của hệ thống chính trị Việt Nam ■

¹ Điều lệ Đảng do Đại hội X Đảng NDCM Lào thông qua, tháng 01/2016.

² Các đoạn trích trong bài viết này đều lấy từ Báo cáo Chính trị Đại hội X Đảng NDCM

³ Lào, trừ trường hợp có chú thích khác.

⁴ Việt Nam là "Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa"; Lào là "Nhà nước pháp quyền dân chủ nhân dân".

⁵ Lào gọi là "Bản".

⁶ Quy định tại Điều 16 và Điều 18 của Điều lệ Đảng NDCM Lào.

⁷ Trong nửa đầu nhiệm kỳ Đại hội X (2016-2021), Lào đã thay thế 03 Bí thư-Tỉnh trưởng các tỉnh Át-ta-pư, Xiêng-khoảng và U-đôm-xay do có những sai phạm.

Ủy ban Quốc phòng - An ninh; Ủy ban Pháp luật; Ủy ban Kinh tế - Công nghệ - Môi trường; Ủy ban Kế hoạch - Tài chính - Thanh tra; Ủy ban Văn hóa - Xã hội; Ủy ban Dân tộc; Ủy ban Tư pháp; Ủy ban Đối ngoại; Ban Thư ký - Văn phòng Quốc hội.

⁸ Ban Công tác Đại biểu Quốc hội; Ban Nữ Nghị sĩ Quốc hội; Viện Nghiên cứu Luật pháp.

⁹ Nếu tính đến thực tế có 01 Đại biểu Quốc hội khoá VIII của Lào đã từ trần, số Đại biểu Quốc hội đang thực thi chức trách chỉ còn 148, thì tỷ lệ Đại biểu Quốc hội chuyên trách chiếm 68,9%.

¹⁰ Trưởng Ban Chống tham nhũng Trung ương của Lào hiện nay là đ/c Bun-thoong Chít-ma-ni, Ủy viên BCT, Phó TTg, Trưởng Ban Kiểm tra Trung ương, Tổng Thanh tra Chính phủ.

HỘI NGHỊ LẤY Ý KIẾN NGUYÊN LÃNH ĐẠO ĐẢNG, NHÀ NƯỚC VỀ CÁC DỰ THẢO BÁO CÁO TRÌNH ĐẠI HỘI XIII CỦA ĐẢNG

Sáng 27/9, tại trụ sở Trung ương Đảng, Tổng Bí thư, Chủ tịch nước Nguyễn Phú Trọng, Trưởng Tiểu ban Văn kiện Đại hội XIII của Đảng, chủ trì Hội nghị lấy ý kiến các đồng chí nguyên lãnh đạo Đảng và Nhà nước góp ý kiến các dự thảo Báo cáo chính trị và Báo cáo 10 năm thực hiện Cương lĩnh 2011 trình Đại hội XIII của Đảng.

Dự Hội nghị có các đồng chí: Nguyên Tổng Bí thư Nông Đức Mạnh; nguyên Ủy viên Bộ Chính trị, nguyên Chủ tịch nước Trần Đức Lương; nguyên Ủy viên Bộ Chính trị, nguyên Chủ tịch Quốc hội Nguyễn Văn An, Nguyễn Sinh Hùng; các đồng chí nguyên Ủy viên Bộ Chính trị, nguyên Bí thư Trung ương Đảng,

nguyên Phó Chủ tịch nước; nguyên Phó Thủ tướng Chính phủ; nguyên Phó Chủ tịch Quốc hội.

Dự Hội nghị có các đồng chí trong Thường trực Tiểu ban Văn kiện: Phạm Minh Chính, Ủy viên Bộ Chính trị, Bí thư Trung ương Đảng, Trưởng Ban Tổ chức Trung ương; Nguyễn Văn Nên, Bí thư Trung ương Đảng, Chánh Văn phòng Trung ương Đảng; Nguyễn Xuân Thắng, Bí thư Trung ương Đảng, Chủ tịch Hội đồng Lý luận Trung ương, Giám đốc Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh và các đồng chí trong Thường trực Tổ Biên tập của Tiểu ban Văn kiện.

Phát biểu khai mạc Hội nghị, đồng chí Tổng Bí thư, Chủ tịch nước

Nguyễn Phú Trọng đã trân trọng cảm ơn các đồng chí nguyên lãnh đạo Đảng và Nhà nước đã đến dự và đề nghị các đồng chí bằng kinh nghiệm, trí tuệ, tâm huyết và vốn sống phong phú của mình góp ý vào hai dự thảo, nhưng tập trung góp ý kiến về những vấn đề lớn trong Dự thảo Báo cáo chính trị; gợi ý, lưu ý thêm về các vấn đề mà các đồng chí quan tâm để Tiểu ban, Bộ Chính trị tiếp tục nghiên cứu, bổ sung hoàn thiện hai dự thảo văn kiện.

Tại Hội nghị, nhiều ý kiến phát biểu cho rằng, hai dự thảo được chuẩn bị nghiêm túc, công phu, có nhiều điểm mới. Đồng thời, các ý kiến cũng góp ý sâu vào các dự thảo, đặc biệt tập trung vào Dự thảo Báo cáo chính trị trình Đại hội XIII của Đảng.

Hội nghị đã góp ý kiến về chủ đề và phương châm chỉ đạo của Đại hội XIII; về kết cấu của Báo cáo chính trị; những nội dung các vấn đề lớn của Dự thảo Báo cáo chính trị. Trong đó, tập trung góp ý về đánh giá thành tựu đạt được trong 5 năm qua; về những hạn chế, khuyết điểm và nguyên nhân; về

những kinh nghiệm rút ra; góp ý về dự báo bối cảnh quốc tế và trong nước; về quan điểm, mục tiêu tổng quát đến giữa thế kỷ XXI và mục tiêu đến năm 2025, 2030 và 2045; về nhiệm vụ, giải pháp phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh, đối ngoại; xây dựng Đảng và hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh; về các nhiệm vụ trọng tâm và các khâu đột phá trong nhiệm kỳ Đại hội XIII.

Phát biểu kết thúc Hội nghị, đồng chí Trần Quốc Vương, Ủy viên Bộ Chính trị, Thường trực Ban Bí thư cảm ơn các đồng chí nguyên lãnh đạo Đảng và Nhà nước đã đóng góp những ý kiến trách nhiệm, tâm huyết, sâu sắc vào Dự thảo Báo cáo chính trị và Báo cáo 10 năm thực hiện Cương lĩnh 2011. Bộ Chính trị sẽ chỉ đạo Tiểu ban Văn kiện nghiên cứu tiếp thu nghiêm túc các ý kiến của các đồng chí dự Hội nghị để tiếp tục hoàn thiện các dự thảo văn kiện trình Hội nghị Trung ương 11 sắp tới. Thời gian tới, đề nghị các đồng chí tiếp tục góp ý trong quá trình hoàn thiện các văn kiện trình Đại hội XIII của Đảng ■

**BÍ THƯ TRUNG ƯƠNG ĐẢNG
NGUYỄN XUÂN THẮNG,
CHỦ TỊCH
HỘI ĐỒNG LÝ LUẬN TRUNG ƯƠNG,
GIÁM ĐỐC HỌC VIỆN CHÍNH TRỊ
QUỐC GIA HỒ CHÍ MINH
LÀM VIỆC VỚI TỈNH VĨNH PHÚC**

Chiều 30/9/2019, đồng chí Nguyễn Xuân Thắng, Bí thư Trung ương Đảng, Chủ tịch Hội đồng Lý luận Trung ương, Giám đốc Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh đã đến thăm và làm việc với tỉnh Vĩnh Phúc về tình hình thực hiện Chiến lược phát triển kinh tế-xã hội 2011-2020; định hướng phát triển kinh tế-xã hội giai đoạn 2021-2030; kết quả công tác xây dựng Đảng và hệ thống chính trị của tỉnh.

Tiếp và làm việc với đoàn, có các đồng chí: Hoàng Thị Thúy Lan, Ủy viên Trung ương Đảng, Bí thư Tỉnh ủy, Trưởng Đoàn ĐBQH tỉnh;

Nguyễn Văn Trì, Phó Bí thư Tỉnh ủy, Chủ tịch UBND tỉnh; các đồng chí trong BTV Tỉnh ủy; lãnh đạo HĐND, UBND tỉnh; lãnh đạo một số sở, ban, ngành, địa phương trong tỉnh.

Thay mặt UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh Nguyễn Văn Trì đã báo cáo tóm tắt với đoàn một số nét khái quát về tình hình thực hiện Chiến lược phát triển kinh tế-xã hội 2011-2020; định hướng phát triển kinh tế-xã hội giai đoạn 2021-2030.

Theo đó, Vĩnh Phúc thực hiện chiến lược phát triển kinh tế-xã hội giai đoạn 2011-2020 trong điều kiện còn nhiều khó khăn, thách

thức. Song, với sự nỗ lực của đảng bộ, chính quyền và nhân dân trong tỉnh, kinh tế-xã hội của tỉnh vẫn đạt nhiều kết quả quan trọng trên tất cả các lĩnh vực: Tăng trưởng kinh tế bình quân giai đoạn 2011-2016 ước đạt 7,43%/năm; giai đoạn 2016-2020 ước đạt 8,1%, vượt mục tiêu đề ra (7-7,5%); sản xuất công nghiệp tiếp tục là nền tảng của nền kinh tế, đóng góp chủ yếu cho tăng trưởng và thu ngân sách của tỉnh; hệ thống cơ sở hạ tầng công nghiệp được quan tâm đầu tư; sản xuất nông nghiệp có nhiều chuyển biến đột phá với nhiều vùng sản xuất trọng điểm cho hiệu quả kinh tế cao; hoạt động đối ngoại, xúc tiến đầu tư có nhiều đổi mới về phương thức, nội dung, thu hút đầu tư đạt kết quả tốt; các lĩnh vực văn hóa xã hội có nhiều tiến bộ, đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân được cải thiện rõ rệt. Công tác quân sự địa phương được củng cố. Tình hình an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội được đảm bảo...

Về phương hướng nhiệm vụ và giải pháp phát triển kinh tế-xã hội của tỉnh giai đoạn 2020-2030, Vĩnh

Phúc tập trung thực hiện tốt một số mục tiêu tổng quát như: Khai thác, quản lý, sử dụng có hiệu quả các nguồn lực để phát triển kinh tế-xã hội theo hướng bền vững nhằm kết hợp chặt chẽ, hài hòa và hợp lý giữa phát triển kinh tế với xã hội, bảo vệ tài nguyên môi trường; bảo đảm quốc phòng, an ninh và trật tự an toàn xã hội; nâng cao thu nhập và chất lượng sống của nhân dân trên địa bàn gắn với đảm bảo công bằng, tiến bộ xã hội; hoàn thành mục tiêu xây dựng tỉnh Vĩnh Phúc trở thành thành phố Vĩnh Phúc và là một trong những trung tâm công nghiệp, du lịch lớn của vùng và quốc gia...

Báo cáo về kết quả công tác xây dựng Đảng, xây dựng hệ thống chính trị và công tác cán bộ, bên cạnh việc phân tích đặc điểm tình hình địa phương và những kết quả cụ thể đạt được thời gian qua, Bí thư Tỉnh ủy Hoàng Thị Thúy Lan nhấn mạnh một số điểm nổi bật của Vĩnh Phúc.

Thứ nhất, là quán triệt, học tập nghiêm túc và sâu sắc toàn bộ mọi nghị quyết của trung ương về tất cả

các lĩnh vực để nắm vững chủ trương, đường lối của Đảng trong phát triển các mặt kinh tế-xã hội, xây dựng Đảng và hệ thống chính trị... Tại Vĩnh Phúc, Đảng lãnh đạo tuyệt đối và toàn diện nhưng không bao biện, làm thay.

Thứ hai, là tinh chú trọng đổi mới cách thức thực hiện nghị quyết theo hướng hiệu quả, thực tế và bền vững; có phân công, phân nhiệm cụ thể tới từng vị trí lãnh đạo, bố trí nguồn lực thực hiện chu đáo nhưng cũng có cơ chế giám sát chặt chẽ việc thực hiện. Vị trí nào yếu, không đảm nhiệm được công việc đều có phương án sẵn sàng thay thế, không nể nang, tránh né. Trong công tác cán bộ, tỉnh đặc biệt chú trọng đến năng lực công tác, phẩm chất đạo đức và bản lĩnh chính trị, quan tâm đến lớp trẻ và vấn đề giới trong quản lý, lãnh đạo...

Phát biểu tại buổi làm việc, đồng chí Nguyễn Xuân Thắng đánh giá cao kết quả Vĩnh Phúc đạt được thời gian qua, đặc biệt là trong phát triển kinh tế gắn với giải quyết tốt các vấn đề xã hội, bảo vệ môi trường; cơ cấu lại kinh tế, đổi mới

mô hình tăng trưởng, tăng trưởng nhanh mà vẫn bền vững và cho rằng đây là thực tiễn sinh động để kiến nghị Trung ương nghiên cứu chuẩn bị Văn kiện Đại hội XIII của Đảng.

Về vấn đề thể chế, đặc biệt là cách thức áp dụng linh hoạt các cơ chế phát triển kinh tế-xã hội, ví như phương pháp tháo điểm nghẽn trong giải phóng mặt bằng để tạo quỹ đất thực hiện các mục tiêu kinh tế-xã hội là một trong những bài học kinh nghiệm quý cho Trung ương và các địa phương trong cả nước nghiên cứu, áp dụng.

Đồng chí Nguyễn Xuân Thắng đề nghị Vĩnh Phúc tiếp tục quan tâm phát triển đa dạng các lĩnh vực thương mại, dịch vụ du lịch, dịch vụ, phát triển công nghiệp công nghệ cao, đáp ứng yêu cầu cuộc cách mạng công nghiệp 4.0. trong thời đại hội nhập hiện nay. Từ đó, hội đủ các yếu tố để vươn lên thành một trong những địa phương giàu mạnh hàng đầu trong cả nước.

Trước đó, Đoàn đã thăm và làm việc tại Trường Chính trị tỉnh ■

MỘT SỐ ĐIỂM MỚI CỦA ĐỀ TÀI "MỐI QUAN HỆ GIỮA TĂNG TRƯỞNG KINH TẾ VÀ PHÁT TRIỂN VĂN HÓA, THỰC HIỆN TIẾN BỘ VÀ CÔNG BẰNG XÃ HỘI Ở VIỆT NAM HIỆN NAY: THỰC TRẠNG, VẤN ĐỀ VÀ ĐỊNH HƯỚNG CHÍNH SÁCH"

Vừa qua, đề tài “ Mối quan hệ giữa tăng trưởng kinh tế và phát triển văn hóa, thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội ở Việt Nam hiện nay: Thực trạng, vấn đề và định hướng chính sách” (Mã số KX04.17/16-20), do GS, TS Ngô Thắng Lợi làm chủ nhiệm đã bảo vệ cấp nhà nước đạt xuất sắc. Kết quả nghiên cứu của đề tài đã nêu ra nhiều điểm mới tập trung vào các khía cạnh: hoàn thiện cơ sở lý luận và nội hàm đánh giá mối quan hệ; thực trạng thông qua phát hiện các vấn đề tồn tại trong giải quyết mối quan hệ; quan điểm và định hướng hoàn thiện mối quan hệ và cuối cùng là các giải pháp nhằm giải quyết tốt mối quan hệ giữa tăng trưởng kinh tế với phát triển văn hóa, thực hiện

tiến bộ và công bằng xã hội đến năm 2030. Dưới đây là một số điểm mới nổi bật của đề tài:

1. Điểm mới về lý luận

Thứ nhất, đề tài đã đưa ra quan niệm đầy đủ và tư duy rõ ràng, cụ thể về nội hàm mối quan hệ giữa tăng trưởng kinh tế với phát triển văn hóa, thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội mà trước đây chưa nói đến hoặc nói chưa đầy đủ.

Một là, trong bối cảnh toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế và nền kinh tế phát triển trong giai đoạn công nghệ 4.0, tăng trưởng kinh tế và phát triển văn hóa, thực hiện tiến bộ, công bằng xã hội không chỉ có mối quan hệ biện chứng, hai chiều như những nghiên cứu trước mà đã cho rằng: mối quan hệ đã được phát triển ở mức độ cao,

và thể hiện ở việc đã được lồng ghép vào nhau, trở thành những nội dung thống nhất khi đề cập đến trong phát triển kinh tế, văn hóa và xã hội.

Hai là, đề tài đã dựa trên xác định rõ nội hàm của văn hóa, để xác định nội dung mối quan hệ giữa tăng trưởng kinh tế với phát triển văn hóa theo 3 nội dung, đó là: (1) Tăng trưởng kinh tế với hình thành và phát triển các hệ giá trị văn hóa mới và niềm tin của con người đối với cộng đồng và xã hội (khía cạnh mềm của văn hóa); (2) Tăng trưởng kinh tế với phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng và các hoạt động văn hóa (khía cạnh cứng của văn hóa); (3) Phát triển công nghiệp văn hóa - phản ánh sự lồng ghép mục tiêu tăng trưởng kinh tế với phát triển văn hóa.

Ba là, dựa trên những mục tiêu

cuối cùng của thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội, đề tài đề cập đến nội hàm mối quan hệ giữa tăng trưởng kinh tế với thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội theo 4 nội dung, đó là: (1) Tăng trưởng kinh tế với thực hiện nâng cao mức sống dân cư; (2) Tăng trưởng kinh tế với thực hiện phát triển con người; (3) Tăng trưởng kinh tế với thực hiện giảm nghèo và an sinh xã hội; (4) Tăng trưởng kinh tế với thực hiện công bằng xã hội.

Thứ hai, đề tài đã đưa ra bộ tiêu chí đánh giá mối quan hệ giữa tăng trưởng kinh tế với phát triển văn hóa, thực hiện tiên bộ và công bằng xã hội và cách thức sử dụng nó khi đánh giá, bộ tiêu chí này hoàn toàn thể hiện mối quan hệ giữa tăng trưởng với phát triển văn hóa và thực tiễn tiến bộ, công bằng xã hội, không đi vào các tiêu chí độc lập như những nghiên cứu trước đây.

Bảng 1: Bộ tiêu chí đánh giá mối quan hệ giữa tăng trưởng kinh tế với phát triển văn hóa, thực hiện tiên bộ và công bằng xã hội

NỘI HÀM	TIÊU CHÍ	YÊU CẦU ĐẶT RA
1. Tăng trưởng kinh tế - điều kiện cần để giải quyết mối quan hệ	- Tốc độ tăng trưởng GDP - Tốc độ tăng GNI bình quân đầu người - Tỷ lệ đóng góp TFP vào tăng trưởng - Tốc độ tăng trưởng NSLĐ - Suất đầu tư tăng trưởng	- 7% -8%/năm - 6%-7%/năm - Từ 50% trở lên - Trên 5% - 4 - 4,5

NỘI HÀM	TIÊU CHÍ	YÊU CẦU ĐẶT RA
2.1 Mỗi quan hệ tăng trưởng kinh tế với niềm tin của cá nhân	<ul style="list-style-type: none"> - Sự thay đổi niềm tin cá nhân - Sự thay đổi niềm tin cộng đồng 	<ul style="list-style-type: none"> - Có xu hướng tăng lên - Có xu hướng tăng lên
2.2 Mỗi quan hệ giữa tăng trưởng đến hình thành hệ giá trị mới trong xã hội	<ul style="list-style-type: none"> - Chỉ số hiệu quả quản lý và dịch vụ công (PAPI) - Chỉ số tham nhũng (CPI) - Chỉ số năng lực cạnh tranh toàn cầu (GCI) - Chỉ số tự do hóa kinh tế (IEF) - Chỉ số đổi mới sáng tạo GII 	<ul style="list-style-type: none"> - Luôn được cải thiện - Tăng trên tất cả các tiêu chí - Tăng và vị trí được cải thiện - Tăng và vị trí được cải thiện - Tăng và vị trí được cải thiện
2.3 Mỗi quan hệ giữa tăng trưởng với phát triển kết cấu hạ tầng và các hoạt động văn hóa	<ul style="list-style-type: none"> - Tỷ lệ chi NSNN cho văn hóa so với GDP - Tỷ lệ chi NSNN cho văn hóa/ Tổng chi NSNN 	<ul style="list-style-type: none"> - Tăng lên - Tăng lên
2.4 Lồng ghép tăng trưởng kinh tế với phát triển văn hóa - Phát triển công nghiệp văn hóa	<ul style="list-style-type: none"> - Tốc độ tăng trưởng CN VH (so với tốc độ tăng trưởng GDP) - Tỷ trọng GDP CN và DV VH so với GDP 	<ul style="list-style-type: none"> - Tăng dần, cao hơn tốc độ tăng GDP chung - Tăng dần
3.1 Mỗi quan hệ giữa tăng trưởng với nâng cao mức sống dân cư	<ul style="list-style-type: none"> - Tốc độ tăng trưởng thu nhập thực - Hệ số tăng trưởng vì nâng cao mức sống dân cư 	<ul style="list-style-type: none"> - Tăng dần - Nhận giá trị dương, tăng dần
3.2 Mỗi quan hệ giữa tăng trưởng với phát triển con người	<ul style="list-style-type: none"> - Chênh lệch thứ hạng GNI/người với thứ hạng HDI - Hệ số tăng trưởng vì con người - Đường vành đai phát triển con người 	<ul style="list-style-type: none"> - Có xu hướng tăng hơn - Nhận giá trị dương và tăng - Tăng dần
3.3 Mỗi quan hệ giữa tăng trưởng với giảm nghèo	<ul style="list-style-type: none"> - Động thái thay đổi tỷ lệ hộ nghèo so với tốc độ tăng trưởng thu nhập bình quân - Hệ số tăng trưởng vì giảm nghèo (GEP) - Tỷ số thu nhzp (IR): 	<ul style="list-style-type: none"> - Tỷ lệ hộ nghèo giảm nhanh hơn - Nhận giá trị âm với giá trị tuyệt đối tăng dần - Duy trì mức xấp xỉ 1
3.4 Mỗi quan hệ giữa tăng trưởng với công bằng xã hội	<ul style="list-style-type: none"> - Hệ số GINI - Hệ số tăng trưởng - bất công bằng (GITI) - Hệ số giãn cách thu nhập - Tiêu chuẩn 40 	<ul style="list-style-type: none"> - Giảm dần, nhỏ hơn 4 - Giảm dần - Giảm dần, nhỏ hơn 8 - Tăng dần, trên 17%

Dựa trên giá trị nhận được của các tiêu chí, để xác định mức độ phản ánh mức độ đồng thuận của mối quan hệ theo 3 cấp độ làm cơ sở cho nghiên cứu và có cơ sở đánh giá thực tiễn: cấp độ 1, đó là, tăng trưởng kinh tế tạo ra sự thay đổi tích cực của các yếu tố tiến bộ và công bằng xã hội với giá trị nhận được của các tiêu chí được cải thiện hơn so với giai đoạn trước; cấp độ 2: tăng trưởng kinh tế tạo ra sự thay đổi tích cực của các yếu tố tiến bộ và công bằng xã hội nhưng giá trị nhận được của tiêu chí có xu hướng cải thiện thấp hơn; cấp độ 3: tăng trưởng kinh tế tạo ra sự thay đổi không tích cực của yếu tố tiến bộ và công bằng xã hội với giá trị nhận được của các tiêu chí có xu hướng ngược chiều.

2. Điểm mới về thực tiễn

Thứ nhất, đề tài đã phát hiện ra được những vấn đề bất cập trong giải quyết mối quan hệ giữa tăng trưởng kinh tế với phát triển văn hóa, thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội trong thời gian qua (từ 2001 đến nay) dựa trên những phân tích và đánh giá theo nội hàm và tiêu chí đặt ra. Những vấn đề đó là:

- Tăng trưởng kinh tế với vị trí là điều kiện cần để giải quyết mối quan hệ: Tăng trưởng không cao và chậm dần, chất lượng tăng trưởng thấp là một vấn đề khá nan giải nhưng rất cần phải giải quyết trong thời gian tới ở Việt Nam vì nó chính là một rào cản lớn khi Việt Nam đang hướng tới thực hiện mô hình phát triển vì con người. Nếu không giải quyết bài toán tăng trưởng nhanh và hiệu quả hơn, sẽ không thể có các tiền đề, điều kiện vật chất cũng như nguồn lực tài chính đủ mạnh để tạo ra những bước đột phá trong phát triển văn hóa và thực hiện tiến bộ xã hội cho con người.

- Vấn đề bất cập trong giải quyết mối quan hệ giữa tăng trưởng kinh tế với phát triển văn hoá: (i) Trong quá trình thực hiện mục tiêu tăng trưởng nhanh, nhiều hệ giá trị văn hóa phù hợp với bối cảnh mới như hệ tư tưởng tự do hóa kinh tế và cạnh tranh quốc tế phù hợp với nền kinh tế thị trường chưa được cải thiện tích cực, tư tưởng tham nhũng, cửa quyền, tư duy lợi ích nhóm, cục bộ vẫn còn khá phổ biến; (ii) Các yếu tố sức mạnh mềm

văn hóa chưa được khai thác, phát huy tích cực để trở thành tài sản vật chất và phi vật chất nhằm tạo ra động lực vừa tăng trưởng nhanh, hiệu quả, vừa bảo tồn và phát triển được văn hóa, niềm tin của người dân đối với cộng đồng chưa được cải thiện, thậm chí có xu hướng giảm đi; (iii) Hoàn thiện hệ thiết chế văn hóa và hoạt động văn hóa chưa tương xứng với thành quả tăng trưởng kinh tế.

- Những vấn đề bất cập trong giải quyết mối quan hệ giữa tăng trưởng kinh tế với thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội: (i) Tăng trưởng kinh tế và tiến bộ xã hội đang có mối quan hệ đồng thuận nhưng mức độ đồng thuận không cao và hiệu ứng đồng thuận có xu hướng giảm đáng kể (hiện tại đang đạt cấp độ 2); (ii) Các vùng có thu nhập thấp, tính đồng thuận trong mối quan hệ giữa tăng trưởng kinh tế với tiến bộ xã hội kém hơn, thậm chí còn có biểu hiện ngược chiều; (iii) Tăng trưởng kinh tế chưa có tác động đồng thuận đến cải thiện các nhu cầu phi vật chất, nên đã hạn chế đến hiệu ứng tổng hợp phát triển con người; (iv) Tăng

trưởng kinh tế và công bằng xã hội trong phân phối thu nhập tồn tại mối quan hệ không đồng thuận với mức độ ngày càng cao. Các vùng tăng trưởng chậm, mối quan hệ không đồng thuận giữa tăng trưởng kinh tế với công bằng xã hội có biểu hiện gay gắt hơn.

Thứ hai, xác định các quan điểm mới về gắn kết tăng trưởng kinh tế với phát triển văn hóa, thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội, đó là:

Quan điểm 1: Tăng trưởng kinh tế nhanh và bền vững - phát triển văn hóa, thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội được xem như vừa là mục tiêu, vừa là động lực trong quá trình phát triển nền kinh tế ở Việt Nam.

Quan điểm 2: Tăng trưởng kinh tế nhanh và hiệu quả là điều kiện cần (nhưng không đủ) để phát triển văn hóa, thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội.

Quan điểm 3: Bảo đảm công bằng về cơ hội phát triển và phân phối hợp lý thành quả tăng trưởng là điều kiện đủ để gắn kết tăng trưởng với phát triển văn hóa, thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội.

Quan điểm 4: Lồng ghép mục tiêu

tăng trưởng và phát triển văn hóa, xã hội trong các chính sách phát triển kinh tế là con đường ngắn nhất để nâng cao hiệu quả kinh tế nhờ văn hóa, xã hội.

Quan điểm 5: Tạo điều kiện cho các khu vực của nền kinh tế và mọi thành viên trong xã hội đều có cơ hội tốt nhất để tham gia vào tạo thu nhập là phương thức tốt nhất giải quyết mối quan hệ giữa tăng trưởng kinh tế với phát triển văn hóa, thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội.

Thứ ba, đề tài đã xác định rõ ràng định hướng mục tiêu giải quyết tốt mối quan hệ giữa tăng trưởng kinh tế với phát triển văn hóa, thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội phù hợp trong giai đoạn đến 2030.

Liên quan đến định hướng giải quyết mối quan hệ giữa tăng trưởng kinh tế với phát triển văn hóa, thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội, trong thời gian tới (đến 2030), nhóm nghiên cứu đề xuất: Việt Nam cần hướng tới thực hiện con đường phát triển toàn diện ở mức độ cao và đồng bộ, làm cho quá trình tăng trưởng nhanh và phát triển văn hóa, xã hội tốt hơn là những mục tiêu

tương hợp và không mâu thuẫn nhau, trên cơ sở cần tạo ra những đột phá về tăng trưởng thu nhập và đạt được những thành tựu đáng kể trong phát triển văn hóa, thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội.

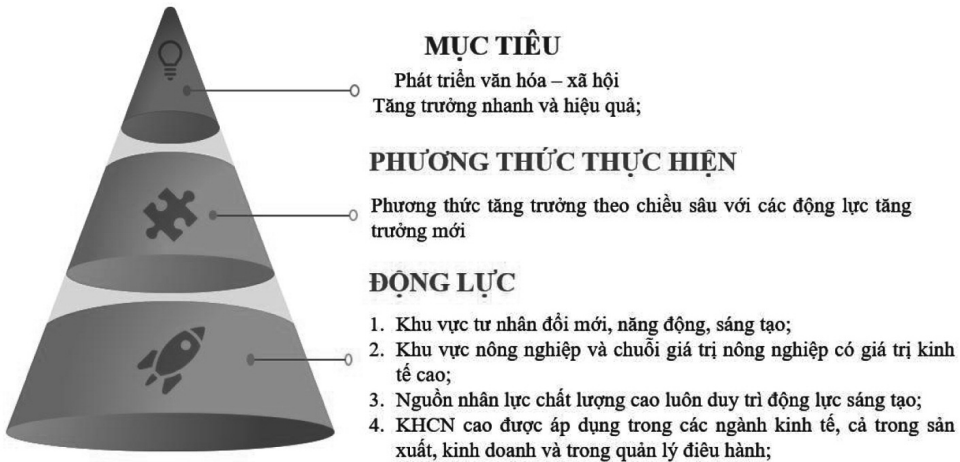
Thứ tư, đề xuất mô hình phát triển giải quyết tốt nhất mối quan hệ giữa tăng trưởng kinh tế với phát triển văn hóa thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội.

Đề tài đề xuất mô hình phát triển hài hoà chính là hợp lý nhất để giải quyết tốt mối quan hệ giữa mục tiêu tăng trưởng kinh tế nhanh với phát triển văn hóa, thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội giai đoạn đến 2030. Nội dung mô hình đề xuất bao gồm: mục tiêu của mô hình, phương thức (động lực) thực hiện và các điều kiện cần có để áp dụng được mô tả bằng hình 1.

Thứ năm, đề tài đề xuất mô hình tăng trưởng bảo đảm nhanh và bền vững.

Để thực hiện vai trò là điều kiện cần của giải quyết tốt mối quan hệ giữa tăng trưởng kinh tế với phát triển văn hóa, thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội, đề tài đề xuất Mô hình tăng trưởng kinh tế Việt Nam

Hình 1: Mô hình phát triển hài hòa theo yêu cầu gắn kết tăng trưởng kinh tế với phát triển văn hoá; thực hiện tiên bộ và công bằng xã hội



giai đoạn 2021-2030 là mô hình tăng trưởng theo chiều sâu dựa trên những động lực mới, nhằm đạt được mục tiêu tăng trưởng nhanh với chất lượng, hiệu quả cao và bảo đảm lan toả tích cực những thành quả tăng trưởng đến phát triển văn hóa, xã hội và môi trường.

Nội dung của mô hình đề xuất, bao gồm: mục tiêu, phương thức thực hiện và động lực mới bảo đảm sự thành công của mô hình được thể hiện qua hình 2.

Đối với 4 động lực mới nêu ra trong mô hình tăng trưởng mới, nhóm nghiên cứu kiến nghị cần nghiên cứu để có những giải pháp cụ thể, đó là (i)

Giải pháp để có được một khu vực tư nhân đổi mới, năng động sáng tạo; (ii) Giải pháp để có động lực tăng trưởng là chuỗi giá trị cung ứng - sản xuất - chế biến và tiêu thụ dựa trên trụ cột là các sản phẩm nông nghiệp hàng hóa quy mô lớn; (iii) Giải pháp để có lực lượng nhân lực chất lượng cao, luôn duy trì động lực sáng tạo và chấp nhận rủi ro; (iv) Giải pháp để có khoa học công nghệ cao tận dụng lợi thế của cách mạng 4.0.

Thứ sáu, đề tài đã đưa ra nội dung hoàn thiện các chính sách nhằm tăng cường sức mạnh mềm văn hóa và lồng ghép hiệu quả mục tiêu phát triển văn hóa với tăng trưởng kinh tế.

Hình 2: Mô hình tăng trưởng Kinh tế Việt Nam đề xuất, giai đoạn 2021 - 2030



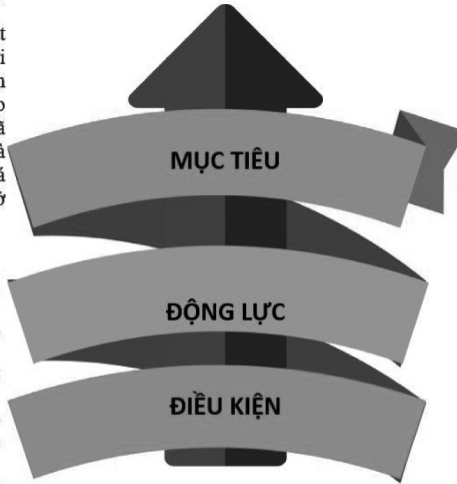
MỤC TIÊU

Bảo đảm thực hiện gắn kết tốt nhất quá trình tăng trưởng nhanh với phát triển văn hoá, thực hiện sự tiến bộ và công bằng xã hội từ việc bảo đảm cho tất cả mọi người trong xã hội đều có điều kiện tham gia và cùng hưởng thụ tương xứng từ quá trình phát triển, không ai bị bỏ lại ở phía sau



ĐIỀU KIỆN

- Tăng trưởng kinh tế nhanh vẫn là một điều kiện trung tâm
- Chú trọng chất lượng của tăng trưởng
- Văn hóa không chỉ là hướng thành quả phát triển mà còn là động lực của phát triển
- Tạo sự tiến bộ, công bằng trong “đầu vào”, “đầu ra” của nền kinh tế



ĐỘNG LỰC



- Lấy “xã hội” là đối tượng để hướng tới mục tiêu phát triển chứ không phải là từng con người cụ thể riêng lẻ;
- Tinh bao trùm được thể hiện trên chiều cạnh về lãnh thổ;
- Tinh bao trùm thể hiện trên chiều cạnh về sở hữu;
- Tinh bao trùm thể hiện trên mọi ngành và lĩnh vực của nền kinh tế;
- Tinh bao trùm thể hiện ở sự lan tỏa và gắn kết thống nhất theo mục đích phát triển toàn diện nền kinh tế quốc gia.

Bệ đỡ của phát triển hài hoà là thể chế phát triển hài hoà

(1) Hoàn thiện các chính sách liên quan đến phát huy sức mạnh mềm văn hóa thông qua ngoại giao văn hóa và truyền thông, bao gồm: (i) Xác định các đối tác ngoại giao văn hóa cần ưu tiên; (ii) Xác định các lĩnh vực ngoại giao văn hóa thể mạnh; (iii) Xác định các phương thức thực hiện ngoại giao có hiệu quả; (iv) Tăng cường sử dụng các phương tiện và công nghệ thông tin, truyền thông hiện đại, tăng cường công tác tuyên truyền đối ngoại và ngoại giao nhân dân; (v)

Tổ chức và quản lý công tác ngoại giao văn hóa và truyền thông: Phát huy vai trò của các cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài để triển khai các hoạt động ngoại giao văn hóa, thành lập và quản lý hoạt động của các trung tâm văn hóa, nhà văn hóa của Việt Nam ở nước ngoài; kiến nghị và thẩm định các hồ sơ đệ trình UNESCO công nhận các loại hình danh hiệu quốc tế, xây dựng hệ thống dữ liệu số hóa về di sản văn hóa Việt Nam, ứng dụng công nghệ 4.0 trong quản lý khai thác di

sản văn hóa và phát triển du lịch di sản.

(2) *Hoàn thiện các chính sách phát triển công nghiệp và du lịch văn hóa:*

(i) Tiếp tục xây dựng và hoàn thiện các chính sách, văn bản pháp luật về phát triển công nghiệp văn hóa trong thời kỳ hội nhập quốc tế; (ii) Tăng cường xây dựng “phần cứng” của công nghiệp văn hóa, chính là cơ sở vật chất để công nghiệp văn hóa phát triển nhanh và bền vững; (iii) Xây dựng và phát triển công nghiệp văn hóa gắn với phát triển mạnh thị trường tiêu dùng sản phẩm, dịch vụ văn hóa trong và ngoài nước, phải lấy thị trường làm trung tâm tạo dựng chủ thể cạnh tranh trong thị trường văn hóa; (iv) Tăng cường chính sách đầu tư phát triển CNVH., các chính sách ưu đãi, đẩy mạnh tuyên truyền, xúc tiến đầu tư phát triển các ngành công nghiệp văn hóa sẵn có lợi thế, tiềm năng; (v) Gắn với CNVH cải cách thể chế văn hóa và nâng cao sức hấp dẫn, sức cạnh tranh của văn hóa; (vi) Chính sách phát triển du lịch gắn với văn hóa, bảo tồn và phát huy giá trị văn hóa dân tộc, nâng cao ý thức của người dân và ý nghĩa của

việc bảo tồn và phát triển tài nguyên du lịch văn hóa, có chiến lược phát triển du lịch văn hóa phù hợp.

Thứ bảy, đề tài đề xuất hoàn thiện các chính sách nhằm giải quyết tốt nhất mối quan hệ giữa tăng trưởng kinh tế với thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội. Các chính sách cần hoàn thiện bao gồm:

(1) *Hoàn thiện chính sách phát triển và kết nối các vùng động lực với vùng chậm phát triển nhằm thực hiện mô hình phát triển bao trùm theo góc độ không gian,* bao gồm những điểm mới, đó là: nhấn mạnh đến các chính sách kết nối vùng động lực với vùng chậm phát triển tạo điều kiện trực tiếp tham gia vào quá trình tạo ra tăng trưởng kinh tế của các vùng chậm phát triển, bao gồm: (i) Chính sách tạo sự kết nối thuận lợi giữa vùng chậm phát triển với các vùng động lực hay các trung tâm kinh tế, đó là các chính sách liên quan đến xóa bỏ chính sách đăng ký nhân, hộ khẩu thường trú và thay bằng chính sách quản lý theo căn cước công dân, đầu tư cho hạ tầng giao thông kết nối vùng động lực với vùng chậm phát triển; (ii) Ưu tiên

đào tạo nghề cho lực lượng lao động phổ thông ở các vùng chậm phát triển để mở rộng cơ hội tìm kiếm việc làm ở các vùng động lực; (iii) Chính sách du nhập nghề mới và hình thành các chi nhánh, cơ sở sản xuất trực thuộc các công ty lớn thuộc vùng động lực ở các vùng chậm phát triển, giải pháp này còn làm giảm sức ép của sự di cư lao động từ vùng chậm phát triển lên các vùng động lực hay trung tâm kinh tế, giảm tải áp lực cho khu vực đô thị và các thành phố; (iv) Chính sách phân phối lại thu nhập trực tiếp và gián tiếp giữa vùng động lực với vùng chậm phát triển.

(2) Hoàn thiện các chính sách phát triển bao trùm từ góc độ doanh nghiệp, theo đó:

- Đối với doanh nghiệp nhà nước: cần xác định rõ lĩnh vực nào nhà nước cần nắm giữ, lĩnh vực nào nhà nước cần rút ra, thực hiện đẩy nhanh cổ phần hóa các doanh nghiệp còn lại, áp dụng cơ chế thị trường đối với các doanh nghiệp nhà nước nắm quyền chi phối.

- Chính sách đối với doanh nghiệp FDI để tạo sân chơi tốt cho khu vực

này trong thời gian tới, và làm cho nó có tác động tích cực đến nền kinh tế và tới các loại hình doanh nghiệp khác theo yêu cầu của phát triển bao trùm, cần tập trung vào những giải pháp chính sách quan trọng, trong đó chính sách chống chuyển giá đối với các doanh nghiệp FDI được đặt ra hàng.

- Các chính sách đối với doanh nghiệp tư nhân, bao gồm: đảm bảo thể chế kinh doanh bình đẳng cho các doanh nghiệp tư nhân, thực hiện nhanh quá trình “cởi trói” cho doanh nghiệp tư nhân, tháo gỡ khó khăn cho DNTN, DNNTV thông qua chính sách tạo môi trường đầu tư và cơ hội bỏ vốn, tăng cường hỗ trợ kỹ thuật tháo gỡ khó khăn về năng lực trình độ cũng như công nghệ kỹ thuật, năng lực quản trị đối với các DNTN, DNNTV, thực hiện liên kết doanh nghiệp FDI với khu vực DNTN, DNNTV, chính sách gắn kết doanh nghiệp trong nước với các doanh nghiệp FDI, và hướng tới mục tiêu chuyển giao công nghệ, tăng cường vai trò của doanh nghiệp trong nước trong tăng trưởng kinh tế, cụ thể: Phối hợp hoặc có thể yêu

cầu các doanh nghiệp FDI khi lập dự án xin cấp phép đầu tư phải lập hồ sơ chuỗi và công bố các cấu phần tiềm năng cho doanh nghiệp sở tại và liên kết với các doanh nghiệp nội địa này trong sản xuất.

(3) *Hoàn thiện chính sách phân phối và phân phối lại thu nhập và tài sản sản xuất nhằm bảo đảm gắn kết tăng trưởng kinh tế với thực hiện công bằng xã hội. Điểm mới của giải pháp này thể hiện ở:*

- Hoàn thiện chính sách phân phối hợp lý thu nhập cho tiêu dùng - đầu tư. Nhóm nghiên cứu đề xuất công thức định hướng cân đối tích lũy - tiêu dùng là 1/3 - 2/3. Theo đó: chúng ta cần dành 70% thu nhập tạo ra hàng năm để tiêu dùng và 30% cho tích lũy đầu tư (các nước phát triển có thể để lại tỷ lệ chi cho tiêu dùng cao hơn); (ii) Trong phần dành cho tiêu dùng, cần phân chia rõ làm 2 khoản với tỷ lệ cân đối phù hợp đó là: phần chi tiêu của nhà nước và chi cho tiêu dùng dân cư. Phần chi tiêu của nhà nước cần có xu hướng giảm đi nhất là phần chi cho tiêu dùng của chính phủ và gia tăng tỷ trọng chi cho tiêu dùng dân cư, nhất là các

khoản chi cho phát triển sự nghiệp văn hóa, giáo dục, y tế, thể thao và các sự nghiệp phúc lợi xã hội.

- Chính sách phân phối lại tài sản (đất đai và tài chính), chủ yếu tập trung vào: Điều chỉnh, phân phối lại đất đai, tài chính theo những chính sách khôn khéo nhằm bảo đảm sự đồng đều trong sở hữu tài sản của các hộ gia đình, xoá bỏ gốc rễ của khả năng sinh ra bất bình đẳng khi áp dụng phân phối theo tài sản. Nhà nước cần thực hiện cải cách, điều chỉnh ruộng đất, cho thuê đất với giá rẻ hơn và có thời hạn đối với những nhà sản xuất quy mô nhỏ hoặc mới khởi nghiệp đăng ký kinh doanh. Cải cách tài chính, ưu tiên cho vay vốn với lãi suất thấp hoặc không lãi suất đối với các doanh nghiệp vừa và nhỏ. Riêng đối với tầng lớp yếu thế, nhà nước phải có cơ chế để những người nghèo, nhất là nông dân nghèo được tiếp cận các yếu tố “đầu vào” của sản xuất (tín dụng, phân bón, hạt giống, giáo dục đào tạo...) và phương tiện tiếp thị.

- Hoàn thiện các chính sách phân phối lại thu nhập bảo đảm công bằng xã hội trong bối cảnh tăng trưởng

kinh tế nhanh: (i) Chính sách thuế suất đối với thuế giá trị gia tăng: Giảm nhóm hàng hóa, dịch vụ thuộc đối tượng không chịu thuế GTGT và nhóm hàng hóa, dịch vụ thuộc đối tượng chịu thuế GTGT 5%, nâng mức thuế suất thuế GTGT 10% lên mức 11%, 12% theo lộ trình, thực hiện mức thuế suất lũy tiến GTGT cao hơn đối với các hàng hóa cao cấp, xa xỉ, hàng hóa chịu thuế tiêu thụ đặc biệt; (ii) Đa dạng hóa và gia tăng thuế suất đối với các thuế trực thu liên quan đến thu nhập cao và thu nhập do cơ hội phát triển thuận lợi hơn: tăng cường các loại (sắc) thuế trực thu đối với cá nhân dựa trên sự phân biệt cơ hội phát triển khác nhau của các thành viên trong xã hội, bên cạnh thuế thu nhập cá nhân, cần mở rộng và áp dụng các sắc thuế mới như: thuế tài sản, thuế của hồi môn, thuế độ thân, v.v. . . , cần gia tăng tính chất lũy tiến của thuế thu nhập cá nhân dựa trên việc xác định mức thu nhập cao và rất cao, trong đó mức lũy tiến cao hơn cần được áp dụng đối với các mức thu nhập rất cao, thực hiện các mức thuế suất cao hơn đối với các vùng có cơ hội phát triển cao

hơn, xóa bỏ các “lỗ hổng thuế” và ưu đãi miễn thuế TNDN để đảm bảo sự công bằng; (iii) Tăng cường chính sách phân phối lại gián tiếp thông qua các chính sách xã hội khi tiếp cận dịch vụ công của người nghèo.

Thứ tám, Các giải pháp liên quan đến đổi mới thể chế kinh tế và chủ động hội nhập nhằm tận dụng lợi thế hội nhập để giải quyết tốt mối quan hệ giữa tăng trưởng kinh tế với phát triển văn hóa, thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội.

Một là, liên quan đến đổi mới thể chế, đề tài đề xuất Đẩy mạnh xây dựng Chính phủ liêm chính nhằm mục tiêu hoàn thiện tư duy, năng lực và phong cách quản lý lãnh đạo phù hợp với yêu cầu mới của nền kinh tế thị trường mở của hiện đại. Cụ thể: (i) Tăng cường kỷ luật, kỷ cương trong hoạt động công vụ đối với cán bộ, công chức từ trung ương tới cấp cơ sở kết hợp với tăng cường sự giám sát của báo chí, người dân và xã hội đối với cán bộ, công chức để kịp thời phản ánh với cấp có thẩm quyền; (ii) xây dựng và thực hiện cơ chế kiểm soát xung đột lợi ích đối với các cán bộ, công chức từ

trung ương tới cấp cơ sở, nhận diện và công khai các tình huống xung đột lợi ích để loại bỏ hoặc giám sát chặt chẽ từ phía cơ quan, tổ chức, xã hội sẽ giúp xây dựng được một chính quyền liêm chính, hạn chế tối đa nguy cơ phát sinh tham nhũng, tiêu cực; (iii) Tiếp tục phát huy dân chủ trong xã hội nhằm đưa người dân, doanh nghiệp gần gũi hơn với chính quyền

Hai là, chủ động hội nhập quốc tế và sử dụng thành quả của tiến bộ khoa học công nghệ trên thế giới, đề tài đề nghị:

- Cần có các chính sách thể hiện sự chủ động hội nhập quốc tế và tiến bộ khoa học công nghệ trong gắn kết tăng trưởng với phát triển văn hóa: (i) Chính sách đầu tư phát triển công nghệ cách mạng công nghiệp 4.0 theo hướng tăng cường học hỏi tiếp thu công nghệ và kêu gọi đầu tư nước ngoài vào khoa học công nghệ, mua bán chuyển giao công nghệ; (ii) Có những chính sách đặc thù để thu hút đầu tư nước ngoài vào lĩnh vực phát triển văn hóa, du lịch; (iii) Cần tăng cường mở rộng giao lưu, hợp tác quốc tế như tổ chức các sự kiện

văn hóa nghệ thuật quốc tế tại Việt Nam trở thành các sự kiện thường niên, có uy tín khu vực và thế giới, thu hút sự tham gia của các nghệ sĩ và các tổ chức văn hóa nghệ thuật có uy tín, được đông đảo công chúng quan tâm; (iv) Tăng cường hợp tác quốc tế trong lĩnh vực đấu tranh phòng, chống tội phạm sử dụng công nghệ cao.

- Cần có các chính sách thể hiện sự chủ động hội nhập quốc tế và tiến bộ khoa học công nghệ trong gắn kết tăng trưởng với thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội, bao gồm: (i) Đẩy mạnh hoàn thiện thể chế và hệ thống pháp luật phù hợp với điều kiện của Việt Nam, bối cảnh quốc tế và các cam kết quốc tế; (ii) Cần tiếp tục phổ biến thông tin về hội nhập quốc tế, diễn biến tình hình kinh tế thế giới và khu vực đến các nhà quản lý, doanh nghiệp và người dân; (iii) Tăng cường đào tạo nâng cao chất lượng nguồn nhân lực gắn với nhu cầu xã hội và yêu cầu hội nhập quốc tế; (iv) Cần tăng cường sự phối hợp có hiệu quả giữa các bộ, ngành, địa phương trong thực thi các cam kết quốc tế ■